

Số: *849* /QĐ - SYT

Hà Nội, ngày *14* tháng *02* năm *2015*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt bổ sung Danh mục Kỹ thuật khám chữa bệnh tại
Bệnh viện đa khoa Đông Anh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ HÀ NỘI

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 10/2008/QĐ-UBND ngày 17/09/2008 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Sở Y tế thành phố Hà Nội;

Căn cứ biên bản thẩm định các điều kiện triển khai danh mục kỹ thuật khám chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa Đông Anh ngày 14/12/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật khám chữa bệnh được phép thực hiện tại Bệnh viện đa khoa Đông Anh gồm 2.672 kỹ thuật thuộc 26 chuyên khoa (*danh mục kèm theo*).

Điều 2. Giám đốc Bệnh viện đa khoa Đông Anh chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra việc triển khai thực hiện danh mục kỹ thuật khám chữa bệnh tại bệnh viện.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, phòng Kế hoạch, phòng TCKT- Sở Y tế và Giám đốc Bệnh viện đa khoa Đông Anh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Giám đốc Sở Y tế; (để b/c)
- Cơ quan BHXH HN;
- NVY, Ttra SYT;
- Lưu: VT, NVY

(4)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC *ll*



Nguyễn Văn Dung

DANH MỤC KỸ THUẬT KHÁM CHỮA BỆNH BỔ SUNG THỰC HIỆN
TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐÔNG ANH
 (Kèm theo Quyết định số 349 /QĐ-SYT ngày 14 / 2 /2015 của Sở Y tế)

STT	TT theo TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT	TUYỂN KỸ THUẬT	
			Tỉnh	Huyện
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC		
		A. TUẦN HOÀN		
1	1	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ	X	X
2	2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	X	X
3	3	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục ≤ 8 giờ	X	X
4	5	Làm test phục hồi máu mao mạch	X	X
5	6	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	X	X
6	7	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm 01 nòng	X	X
7	10	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	X	X
8	18	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	X	X
9	28	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường ≤ 8 giờ	X	X
10	35	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc	X	X
11	36	Tạo nhịp tim cấp cứu tạm thời với điện cực ngoài lồng ngực	X	X
12	39	Hạ huyết áp chỉ huy ≤ 8 giờ	X	X
13	45	Dùng thuốc chống đông	X	X
14	50	Liệu pháp insulin liều cao điều trị ngộ độc (để nâng huyết áp) ≤ 8 giờ	X	X
15	51	Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ	X	X
		B. HÔ HẤP		
16	52	Cầm chảy máu ở lỗ mũi sau bằng ống thông có bóng chèn	X	X
17	53	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	X	X
18	54	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)	X	X
19	55	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh có thở máy (một lần hút)	X	X
20	56	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy) (một lần hút)	X	X
21	57	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)	X	X
22	58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (≤ 8 giờ)	X	X
23	59	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (≤ 8 giờ)	X	X
24	60	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (≤ 8 giờ)	X	X
25	61	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (≤ 8 giờ)	X	X
26	62	Thở oxy dài hạn điều trị suy hô hấp mạn tính ≤ 8 giờ	X	X
27	63	Thở oxy qua mặt nạ venturi (≤ 8 giờ)	X	X
28	67	Đặt nội khí quản 2 nòng	X	
29	68	Đặt nội khí quản cấp cứu bằng Combitube	X	X
30	69	Đặt mặt nạ thanh quản cấp cứu	X	X
31	72	Mở khí quản qua màng nhĩ giáp	X	X
32	74	Mở khí quản qua da một thì cấp cứu ngạt thở	X	X
33	76	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	X	X

34	77	Thay ống nội khí quản	X	X
35	78	Rút ống nội khí quản	X	X
36	79	Rút canuyn khí quản	X	X
37	80	Thay canuyn mở khí quản	X	X
38	81	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter	X	X
39	83	Theo dõi ETCO ₂ ≤ 8 giờ	X	
40	84	Thăm dò CO ₂ trong khí thở ra	X	X
41	85	Vận động trị liệu hô hấp	X	X
42	86	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	X	X
43	87	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)	X	X
44	88	Làm ẩm đường thở qua máy phun sương mù	X	X
45	89	Đặt canuyn mở khí quản O ₂ nồng	X	X
46	91	Chọc hút dịch khí phế quản qua màng nhĩ giáp	X	X
47	92	Siêu âm màng phổi cấp cứu	X	
48	93	Chọc hút dịch, khí màng phổi bằng kim hay catheter	X	X
49	128	Thông khí nhân tạo không xâm nhập ≤ 8 giờ	X	X
50	129	Thông khí nhân tạo CPAP qua van Boussignac ≤ 8 giờ	X	X
51	130	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức CPAP ≤ 8 giờ	X	X
52	131	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức BiPAP ≤ 8 giờ	X	X
53	132	Thông khí nhân tạo xâm nhập ≤ 8 giờ	X	X
54	133	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức VCV ≤ 8 giờ	X	X
55	134	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PCV ≤ 8 giờ	X	X
56	135	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức A/C (VCV) ≤ 8 giờ	X	X
57	136	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức SIMV ≤ 8 giờ	X	X
58	137	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PSV ≤ 8 giờ	X	X
59	138	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức CPAP ≤ 8 giờ	X	X
60	139	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức APRV ≤ 8 giờ	X	
61	145	Cai thở máy bằng phương thức SIMV ≤ 8 giờ	X	X
62	146	Cai thở máy bằng phương thức PSV ≤ 8 giờ	X	X
63	147	Cai thở máy bằng thở T-tube ngắt quãng ≤ 8 giờ	X	X
64	151	Kỹ thuật thử nghiệm tự thở CPAP	X	X
65	154	Theo dõi các thông số cơ học phổi ≤ 8 giờ	X	X
66	155	Gây mê liên tục kiểm soát người bệnh thở máy ≤ 8 giờ	X	X
67	157	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	X	X
68	158	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	X	X
69	159	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp nâng cao	X	X
		C. THẬN - LỘC MÁU		
70	160	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	X	X
71	161	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	X	X
72	162	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang trên khớp vệ	X	X
73	163	Mở thông bàng quang trên xương mu	X	X
74	165	Rửa bàng quang lấy máu cục	X	X
75	166	Vận động trị liệu bàng quang	X	X
76	170	Bài niệu cường bức ≤ 8 giờ	X	X
77	171	Kiểm hóa nước tiểu tăng thải trừ chất độc ≤ 8 giờ	X	X
		D. THẦN KINH		
78	201	Soi đáy mắt cấp cứu	X	X

			X	X
			X	X
80	202	Chọc dịch tuỷ sống	X	X
81	211	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường ≤ 8 giờ	X	X
82	213	Điều trị co giật liên tục ≤ 8 giờ	X	X
82	214	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu ≤ 8 giờ		
		D. TIÊU HOÁ		
83	215	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa	X	X
84	216	Đặt ống thông dạ dày	X	X
85	219	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	X	X
86	220	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hoá (dạ dày, tiểu tràng, đại tràng)	X	X
87	221	Thụt tháo	X	X
88	222	Thụt giữ	X	X
89	223	Đặt ống thông hậu môn	X	X
90	225	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)	X	X
91	226	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông hồng tràng ≤ 8 giờ	X	X
92	227	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy truyền thức ăn qua ống thông dạ dày ≤ 8 giờ	X	X
93	228	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày (một lần)	X	X
94	229	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ	X	X
95	230	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch trung tâm ≤ 8 giờ	X	X
96	234	Nội soi trực tràng cấp cứu	X	X
97	235	Nội soi đại tràng chẩn đoán bằng ống soi mềm	X	X
98	238	Đo áp lực ổ bụng	X	X
99	240	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	X	X
100	241	Dẫn lưu dịch ổ bụng cấp cứu ≤ 8 giờ	X	X
101	242	Rửa màng bụng cấp cứu	X	X
		E. TOÀN THÂN		
102	247	Hạ thân nhiệt chỉ huy	X	X
103	248	Nâng thân nhiệt chỉ huy	X	X
104	249	Giải stress cho người bệnh	X	X
105	250	Kiểm soát đau trong cấp cứu	X	X
106	253	Lấy máu tĩnh mạch bẹn	X	X
107	254	Truyền máu và các chế phẩm máu	X	X
108	256	Điều chỉnh tăng/giảm kali máu bằng thuốc tĩnh mạch	X	X
109	257	Điều chỉnh tăng/giảm natri máu bằng thuốc tĩnh mạch	X	X
110	258	Kiểm soát tăng đường huyết chỉ huy ≤ 8 giờ	X	X
111	259	Rửa mắt tẩy độc	X	X
112	260	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê (một lần)	X	X
113	262	Gội đầu cho người bệnh tại giường	X	X
114	263	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh	X	X
115	264	Tắm cho người bệnh tại giường	X	X
116	265	Tắm tẩy độc cho người bệnh	X	X
117	266	Xoa bóp phòng chống loét	X	X
118	267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	X	X

119	268	Phục hồi chức năng vận động, nói, nuốt cho người bệnh cấp cứu ≤ 8 giờ	X	X
120	269	Băng ép bất động sơ cứu rấn cắn	X	X
121	270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu	X	X
122	271	Dùng thuốc kháng độc điều trị giải độc	X	X
123	272	Sử dụng than hoạt đa liều cấp cứu ngộ độc ≤ 8 giờ	X	X
124	274	Điều trị giải độc ngộ độc rượu cấp		
		G. XÉT NGHIỆM		
125	281	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường	X	X
126	282	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm	X	X
127	283	Lấy máu các động mạch khác xét nghiệm	X	X
128	285	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường		
129	301	Định lượng nhanh CK-MB trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	X	X
130	302	Xác định nhanh INR/PT/ Quick % tại chỗ bằng máy cầm tay	X	X
		II. NỘI KHOA		
131	B	A. HÔ HẤP	B	C
132	1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	X	X
133	4	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	X	X
134	7	Chọc dò dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	X	X
135	8	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	X	X
136	9	Chọc dò dịch màng phổi	X	X
137	10	Chọc tháo dịch màng phổi	X	X
138	11	Chọc hút khí màng phổi	X	X
139	14	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter	X	X
140	24	Đo chức năng hô hấp	X	X
141	28	Kỹ thuật ho có điều khiển	X	X
142	29	Kỹ thuật tập thở cơ hoành	X	X
143	30	KT ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương	X	X
144	32	Khí dung thuốc giãn phế quản	X	X
145	60	Nghiệm pháp đi bộ 6 phút	X	X
146	61	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe	X	X
147	63	Siêu âm màng phổi cấp cứu	X	X
148	67	Thay canuyn mở khí quản	X	X
149	68	Vận động trị liệu hô hấp	X	X
		B. TIM MẠCH		
151	75	Chọc dò màng ngoài tim	X	X
152	85	Điện tim thường	X	X
153	96	Holter huyết áp	X	X
154	97	Hồi phục nhịp xoang cho NB loạn nhịp bằng thuốc	X	X
155	109	Nghiệm pháp gắng sức điện tâm đồ	X	
156	111	Nghiệm pháp atropin	X	X
157	119	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	X	X
		C. THẦN KINH		
158	128	Chăm sóc mắt ở NB liệt VII ngoại biên (một lần)	X	X
159	130	Điều trị đau rễ thần kinh thắt lưng - cùng bằng tiêm ngoài màng cứng	X	

154

50	131	Điều trị đau rễ thần kinh bằng phong bế đám rối	X	
161	140	Điều trị trạng thái động kinh	X	
162	149	Gội đầu cho NB trong các bệnh thần kinh tại giường	X	X
163	150	Hút đờm hầu họng	X	X
164	151	Lấy máu tĩnh mạch ben	X	
165	156	Soi đáy mắt cấp cứu tại giường	X	X
166	163	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN	X	X
167	164	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường	X	X
168	165	Vệ sinh răng miệng bệnh nhân thần kinh tại giường	X	X
169	166	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)	X	X
		D. THẬN TIẾT NIỆU		
170	167	Chăm sóc sonde dẫn lưu bể thận qua da/lần	X	X
171	168	Chăm sóc sonde dẫn lưu tự dịch- máu quanh thận/lần	X	X
172	172	Chăm sóc ống dẫn lưu bể thận qua da 24 giờ	X	X
173	177	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	X	X
174	188	Đặt sonde bàng quang	X	X
175	195	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	X	X
176	211	Nong niệu đạo và đặt sonde đái	X	
177	212	Nội soi bàng quang chẩn đoán (Nội soi bàng quang không sinh thiết)	X	
178	227	Rút sonde dẫn lưu bể thận qua da	X	
179	228	Rút sonde dẫn lưu tự dịch- máu quanh thận	X	
180	230	Rút sonde modelage qua đường nội soi bàng quang	X	
181	231	Rút catheter đường hầm	X	
182	232	Rửa bàng quang lấy máu cục	X	X
183	233	Rửa bàng quang	X	X
		Đ. TIÊU HÓA		
184	241	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng (một lần)	X	X
185	242	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm	X	X
186	243	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị	X	X
187	244	Đặt ống thông dạ dày	X	X
188	247	Đặt ống thông hậu môn	X	X
189	253	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng cấp cứu	X	X
190	254	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng có dùng thuốc tiền mê	X	X
191	255	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng qua đường mũi	X	X
192	256	Nội soi trực tràng ống mềm	X	X
193	257	Nội soi trực tràng ống mềm cấp cứu	X	X
194	259	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm không sinh thiết	X	X
195	260	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có dùng thuốc tiền mê	X	
196	261	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có dùng thuốc gây mê	X	
197	262	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có sinh thiết	X	X
198	288	Nội soi ổ bụng	X	
199	289	Nội soi ổ bụng có sinh thiết	X	
200	293	Nội soi trực tràng toàn bộ có sinh thiết	X	
201	294	Nội soi đại trực tràng toàn bộ can thiệp cấp cứu	X	
202	304	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng có sinh thiết	X	
203	305	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng không sinh thiết	X	

204	306	Nội soi đại tràng si	Gây mê không sinh thiết	X	X
205	307	Nội soi đại tràng si	Gây mê ổ có sinh thiết	X	X
206	308	Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết		X	X
207	309	Nội soi trực tràng ống mềm có sinh thiết		X	X
208	313	Rửa dạ dày cấp cứu		X	X
209	314	Siêu âm ổ bụng		X	X
210	336	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân		X	X
211	337	Thụt thuốc qua đường hậu môn		X	X
212	338	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng			
		E. CƠ XƯƠNG KHỚP		X	X
213	349	Hút dịch khớp gối		X	
214	351	Hút dịch khớp háng		X	
215	353	Hút dịch khớp khuỷu		X	
216	355	Hút dịch khớp cổ chân		X	
217	357	Hút dịch khớp cổ tay		X	
218	359	Hút dịch khớp vai		X	X
219	361	Hút nang bao hoạt dịch		X	X
220	363	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm		X	
221	373	Siêu âm khớp (một vị trí)		X	
222	374	Siêu âm phần mềm (một vị trí)		X	
223	381	Tiêm khớp gối		X	
224	382	Tiêm khớp háng		X	
225	383	Tiêm khớp cổ chân		X	
226	384	Tiêm khớp bàn ngón chân		X	
227	385	Tiêm khớp cổ tay		X	
228	386	Tiêm khớp bàn ngón tay		X	
229	387	Tiêm khớp đốt ngón tay		X	
230	388	Tiêm khớp khuỷu tay		X	
231	389	Tiêm khớp vai		X	
232	390	Tiêm khớp ức đòn		X	
233	391	Tiêm khớp ức - sườn		X	
234	392	Tiêm khớp đòn- cùng vai		X	
235	396	Tiêm điểm bám gân mỏm trâm quay (mỏm trâm trụ)		X	
236	397	Tiêm điểm bám gân lõi cầu trong (lõi cầu ngoài) xương cánh tay		X	
237	398	Tiêm điểm bám gân quanh khớp gối		X	
238	399	Tiêm hội chứng DeQuervain		X	
239	400	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay		X	
240	401	Tiêm gân gấp ngón tay		X	
241	402	Tiêm gân nhị đầu khớp vai		X	
242	403	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai)		X	
243	404	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai		X	
244	405	Tiêm điểm bám gân mỏm trâm quay (trâm trụ)		X	
245	406	Tiêm gân gót		X	
246	407	Tiêm cân gan chân		X	
		III. NHI KHOA			
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC			
		A. TUẦN HOÀN			

247	19	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục 24 giờ	X	
248	20	Đo độ bão hoà oxy trung tâm cấp cứu	X	
249	27	Xử trí và theo dõi loạn nhịp tim cấp cứu	X	
250	28	Đặt catheter tĩnh mạch	X	X
251	31	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	X	X
252	35	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm	X	X
253	36	Đo áp lực động mạch liên tục	X	X
254	37	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục	X	X
255	44	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	X	X
256	45	Hạ huyết áp chỉ huy	X	X
257	46	Theo dõi huyết áp liên tục tại giường	X	X
258	48	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp	X	X
259	49	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	X	X
		B. HỒ HẤP		
260	58	Thở máy bằng xâm nhập	X	
261	71	Theo dõi ETCO2 liên tục tại giường	X	
262	75	Cai máy thở	X	X
263	76	Hút đờm khí phế quản ở người bệnh sau đặt nội khí quản, mở khí quản, thở máy.	X	X
264	84	Chọc thăm dò màng phổi	X	X
265	87	Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2) liên tục tại giường	X	X
266	89	Khí dung thuốc cấp cứu	X	X
267	90	Khí dung thuốc thở máy	X	X
268	91	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter một lần	X	X
269	92	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter kín	X	X
270	93	Vận động trị liệu hô hấp	X	X
271	94	Đặt mặt nạ thanh quản cấp cứu	X	X
272	95	Mở khí quản một thì cấp cứu ngạt thở	X	X
273	96	Mở khí quản qua da cấp cứu	X	X
274	100	Rút catheter khí quản	X	X
275	101	Thay canuyn mở khí quản	X	X
276	102	Chăm sóc lỗ mở khí quản	X	X
277	103	Làm ẩm đường thở qua máy phun sương mù	X	X
278	104	Mở màng giáp nhân cấp cứu	X	X
279	111	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)	X	X
280	112	Cố định lồng ngực do chấn thương gây xương sườn	X	X
281	113	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	X	X
		C. THẬN – LỌC MÁU		
282	128	Bài niệu cưỡng bức	X	X
283	129	Mở thông bàng quang trên xương mu	X	X
	130	Vận động trị liệu bàng quang	X	X
		D. THẬN KINH		
284	149	Điều trị co giật liên tục (điều trị trạng thái động kinh)	X	X
285	150	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường	X	X
286	151	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu	X	X
287	152	Soi đáy mắt cấp cứu	X	X
		Đ. TIÊU HÓA		

157

288	165	Chọc dò ổ bụng cấp cứu		
289	168	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x
290	169	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	x	x
291	175	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày	x	x
292	176	Nuôi dưỡng người bệnh qua catheter hồng tràng	x	x
293	180	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên	x	x
294	181	Nuôi dưỡng người bệnh qua Catheter thực quản dạ dày bằng bơm tay	x	x
		E. TOÀN THÂN		
295	183	Kiểm soát tăng đường huyết chỉ huy		
296	184	Hạ nhiệt độ chỉ huy	x	
297	185	Nâng thân nhiệt chủ động	x	
298	186	Chiếu đèn điều trị vàng da sơ sinh	x	x
299	187	Kiểm soát đau trong cấp cứu	x	
300	191	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường	x	x
301	192	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng	x	x
302	195	Tắm tẩy độc cho người bệnh	x	x
303	197	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh	x	x
304	199	Xoa bóp phòng chống loét	x	x
305	200	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x	x
306	207	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê	x	x
307	208	Lấy máu tĩnh mạch bệnh	x	x
		II. TÂM THẦN		
308	257	Xử trí người bệnh kích động	x	x
309	259	Xử trí người bệnh không ăn	x	x
310	260	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần	x	x
311	268	Cấp cứu người bệnh tự sát	x	x
312	269	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần	x	x
		III. Y HỌC CỔ TRUYỀN		
		A. KỸ THUẬT CHUNG		
313	276	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy	x	x
		D. ĐIỆN CHÂM		
314	485	Điện châm điều trị chắp lẹo	x	x
315	486	Điện châm điều trị sụp mí	x	x
316	496	Điện châm điều trị viêm cơ cứng cơ delta	x	x
317	505	Điện châm điều trị đái dầm	x	x
318	506	Điện châm điều trị bí đái	x	x
319	507	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x
320	520	Điện châm điều trị tăng huyết áp	x	x
321	521	Điện châm điều trị huyết áp thấp	x	x
322	522	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	x	x
323	523	Điện châm điều trị đau ngực sườn	x	x
324	527	Điện châm điều trị đau lưng	x	x
325	528	Điện châm điều trị đau mỏi cơ	x	x
326	529	Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x
327	530	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x
		E. THUYẾT CHÂM		

122

			X	X
			X	X
328	532	Thủy châm điều trị liệt	X	X
329	533	Thủy châm điều trị liệt chi trên	X	X
330	534	Thủy châm điều trị liệt chi dưới	X	X
331	535	Thủy châm điều trị liệt nửa người	X	X
332	536	Thủy châm điều trị liệt do bệnh của cơ	X	X
333	537	Thủy châm điều trị teo cơ	X	X
334	538	Thủy châm điều trị đau thần kinh tọa	X	X
335	549	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	X	X
336	550	Thủy châm điều trị mất ngủ	X	X
337	551	Thủy châm điều trị stress	X	X
338	552	Thủy châm điều trị thiếu máu não mạn tính	X	X
339	553	Thủy châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	X	X
340	554	Thủy châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	X	X
341	555	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	X	X
342	556	Thủy châm điều trị sụp mí	X	X
343	567	Thủy châm điều trị tăng huyết áp	X	X
344	568	Thủy châm điều trị huyết áp thấp	X	X
345	569	Thủy châm điều trị đau vùng ngực	X	X
346	570	Thủy châm điều trị đau thần kinh liên sườn	X	X
347	571	Thủy châm điều trị đau ngực, sườn	X	X
348	578	Thủy châm điều trị viêm khớp dạng thấp	X	X
349	579	Thủy châm điều trị thoái hoá khớp	X	X
350	580	Thủy châm điều trị đau lưng	X	X
351	581	Thủy châm điều trị đau mỏi cơ	X	X
352	582	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai	X	X
353	583	Thủy châm điều trị hội chứng vai gáy	X	X
354	586	Thủy châm điều trị viêm cơ cứng cơ delta	X	X
355	592	Thủy châm điều trị đái dầm	X	X
356	593	Thủy châm điều trị bí đái	X	X
357	597	Thủy châm điều trị RL chức năng do CT sọ não	X	X
358	598	Thủy châm điều trị liệt tứ chi do CT cột sống	X	X
		G. XOA BÓP BẨM HUYẾT		
359	603	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt	X	X
360	604	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi trên	X	X
361	605	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi dưới	X	X
362	606	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt nửa người	X	X
363	607	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau thần kinh tọa	X	X
364	610	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi trên	X	X
365	611	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi dưới	X	X
366	612	Xoa bóp bấm huyết điều trị choáng ngất	X	X
367	616	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do bệnh của cơ	X	X
368	617	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt các dây thần kinh	X	X
369	618	Xoa bóp bấm huyết điều trị teo cơ	X	X
370	624	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau đầu, đau nửa đầu	X	X
371	627	Xoa bóp bấm huyết điều trị thiếu máu não mạn tính	X	X
372	628	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	X	X

373	629	Xoa bóp bấm huyết ĐT tổn thương dây thần kinh V	X	X
374	630	Xoa bóp bấm huyết ĐT liệt dây thần kinh VII ngoại biên	X	X
375	631	Xoa bóp bấm huyết điều trị sụp mí	X	X
376	642	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau thần kinh liên sườn	X	X
377	643	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau ngực, sườn	X	X
378	646	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm khớp dạng thấp	X	X
379	647	Xoa bóp bấm huyết điều trị thoái hoá khớp	X	X
380	648	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau lưng	X	X
381	649	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau mắt cơ	X	X
382	650	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm quanh khớp vai	X	X
383	651	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng vai gáy	X	X
384	655	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm cơ cứng cơ delta	X	X
385	656	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	X	X
386	657	Xoa bóp bấm huyết điều trị táo bón	X	X
387	658	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn tiêu hoá	X	X
388	659	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác	X	X
389	660	Xoa bóp bấm huyết điều trị bí đái	X	X
390	661	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn thần kinh thực vật	X	X
391	663	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	X	X
392	664	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	X	X
		H. CỨU		
393	671	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	X	X
394	672	Cứu điều trị đau thần kinh tọa thể hàn	X	X
395	673	Cứu điều trị đau bụng ỉa chảy thể hàn	X	X
396	674	Cứu điều trị liệt thần kinh VII ngoại biên thể hàn	X	X
397	675	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	X	X
398	676	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	X	X
399	677	Cứu điều trị liệt thể hàn	X	X
400	678	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	X	X
401	679	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	X	X
402	680	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	X	X
403	681	Cứu điều trị liệt do bệnh của cơ thể hàn	X	X
404	690	Cứu điều trị nôn nấc thể hàn	X	X
405	691	Cứu điều trị rối loạn đại tiểu tiện thể hàn	X	X
406	692	Cứu điều trị rối loạn tiêu hoá thể hàn	X	X
407	693	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	X	X
408	694	Cứu điều trị bí đái thể hàn	X	X
		IV. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG		
		A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU - PHCN		
409	705	Điều trị bằng sóng ngắn và sóng cực ngắn	X	
410	706	Kỹ thuật điều trị bằng vi sóng	X	
411	708	Siêu âm điều trị	X	
412	714	Kéo cột sống bằng máy	X	
413	725	Điều trị sẹo bỏng bằng điện phân, điện xung kết hợp với thuốc	X	
414	726	Điều trị sẹo bỏng bằng siêu âm kết hợp với thuốc	X	

15/2

415	730	Vật lý trị liệu sau phẫu thuật bàn tay	X	
416	744	Kéo giãn cột sống cổ bằng máy	X	
417	745	Kéo giãn cột sống thắt lưng bằng máy	X	X
418	771	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	X	X
419	772	Điều trị bằng điện phân thuốc	X	X
420	773	Điều trị bằng các dòng điện xung	X	X
421	774	Điều trị bằng tia hồng ngoại	X	X
422	789	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị vẹo cổ	X	X
423	799	Vật lý trị liệu-PHCN người bệnh sau mổ thoát vị đĩa đệm cột sống cổ và cột sống thắt lưng	X	X
424	807	Xoa bóp cục bộ bằng tay (60 phút)	X	X
425	808	Xoa bóp toàn thân bằng tay (60 phút)	X	X
426	810	Chườm ngải cứu	X	X
427	811	Tập vận động có trợ giúp	X	X
428	812	Vỗ rung lồng ngực	X	X
429	823	Đo tâm vận động khớp	X	X
430	828	Vật lý trị liệu phòng ngừa các biến chứng do bất động	X	X
431	831	Vật lý trị liệu - PHCN cho NB tổn thương thần kinh quay	X	X
432	832	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh giữa	X	X
433	833	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh trụ	X	X
434	835	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương dây chằng chéo trước khớp gối	X	X
435	836	Vật lý trị liệu - PHCN người bệnh tổn thương sụn chêm khớp gối	X	X
436	837	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh sau chấn thương khớp gối	X	X
437	838	Vật lý trị liệu -PHCN viêm quanh khớp vai	X	X
438	839	Vật lý trị liệu -PHCN trật khớp vai	X	X
439	840	Vật lý trị liệu -PHCN gãy xương đòn	X	X
440	842	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật chi dưới	X	X
441	843	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật chi trên	X	X
442	848	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh gãy thân x.đùi	X	X
443	849	Vật lý trị liệu -PHCN gãy cổ xương đùi	X	X
444	850	Vật lý trị liệu -PHCN gãy trên lồi cầu x.cánh tay	X	X
445	851	Vật lý trị liệu -PHCN gãy hai xương cẳng tay	X	X
446	852	Vật lý trị liệu -PHCN gãy đầu dưới xương quay	X	X
447	853	Vật lý trị liệu -PHCN gãy hai xương cẳng chân	X	X
448	856	Vật lý trị liệu -PHCN trong gãy đầu dưới xương đùi	X	X
449	857	Vật lý trị liệu -PHCN sau chấn thương xương chậu	X	X
450	861	Phòng ngừa và xử trí loét do đè ép	X	X
451	865	Vật lý trị liệu -PHCN trong vẹo cổ cấp	X	X
452	870	Vật lý trị liệu-PHCN cho NB teo cơ tiến triển	X	X
453	878	Phục hồi chức năng cho người bệnh đau lưng	X	X
454	881	Vật lý trị liệu-PHCN cho người bệnh liệt dây VII ngoại biên	X	X
455	889	Tập do cứng khớp	X	X
456	892	Tập vận động đoạn chi 30 phút	X	X
457	893	Tập vận động đoạn chi 15 phút	X	X
458	894	Tập vận động toàn thân 30 phút	X	X
459	895	Tập vận động toàn thân 15 phút	X	X

460	896	Tập vận động cột sống	X	X
461	898	Tập cho trẻ bị Xơ hóa cơ	X	X
462	902	Tập với hệ thống ròng rọc		
		V. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIẾP		
		B. TAI - MŨI - HỌNG	X	X
463	1001	Nội soi tai	X	X
464	1002	Nội soi mũi	X	X
465	1003	Nội soi họng		
		D. TIÊU HOÁ- Ổ BỤNG	X	
466	1036	Nội soi tiêu hoá dưới gây mê (dạ dày - đại tràng)	X	
467	1052	Nội soi ổ bụng để thăm dò, chẩn đoán	X	
468	1055	Nội soi ổ bụng- sinh thiết	X	
469	1059	Nội soi thực quản-dạ dày, lấy dị vật	X	
470	1062	Nội soi đại tràng si Gây mê	X	
471	1063	Nội soi đại tràng-lấy dị vật	X	
472	1071	Soi trực tràng		
		E. TIẾT NIỆU	X	
473	1078	Nội soi bàng quang	X	
474	1079	Nội soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi	X	
475	1087	Nội soi bàng quang sinh thiết	X	
		VII. GÂY Mê HỒI SỨC		
476	1280	Kỹ thuật đo và theo dõi SpO ₂	X	
477	1295	Kỹ thuật gây tê khoang cùng	X	
478	1296	Kỹ thuật gây tê đám rối thắt lưng	X	
479	1322	Gây mê hồi sức phẫu thuật nội soi ổ bụng	X	
480	1324	Gây mê hồi sức phẫu thuật nội soi trong phụ khoa	X	
481	1325	Gây mê hồi sức trên người bệnh béo phì	X	
482	1326	An thần cho nội soi đường tiêu hóa	X	
483	1349	Gây mê hồi sức phẫu thuật mắt ở trẻ em	X	
484	1354	Gây mê lấy dị vật đường hô hấp	X	
485	1355	Gây mê hồi sức cho các phẫu thuật tai mũi họng	X	
486	1356	Gây mê hồi sức nạo VA ở trẻ em	X	
487	1358	Gây mê hồi sức phẫu thuật bụng lớn ở trẻ em	X	
488	1359	Gây mê hồi sức phẫu thuật xương ở trẻ em	X	
489	1360	Giảm đau sau phẫu thuật bằng Morphin tĩnh mạch theo kiểu PCA	X	
490	1361	Giảm đau sau phẫu thuật bằng thuốc tê + morphinic qua khoang NMC thắt lưng: 1 liều hay truyền liên tục qua bơm tiêm điện	X	
491	1362	Giảm đau sau phẫu thuật bằng thuốc tê + morphinic qua khoang NMC ngực qua bơm tiêm điện liên tục	X	
492	1364	Giảm đau sau phẫu thuật bằng truyền liên tục thuốc tê vào thần kinh hay đám rối qua catheter	X	
493	1370	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường tĩnh mạch	X	
494	1372	Kỹ thuật gây mê hô hấp qua mặt nạ	X	X
495	1373	Gây mê tĩnh mạch với etomidate, ketamine, propofol	X	X
496	1374	Kỹ thuật đặt Mask thanh quản	X	X
497	1376	KT đặt nội khí quản với thuốc mê tĩnh mạch, mê hô hấp	X	X

162

498	1377	Kỹ thuật đặt nội khí quản khi dạ dày đầy		
499	1380	Kỹ thuật thường quy đặt nội khí quản khó	X	X
500	1385	Kỹ thuật gây mê vòng kín có vôi soda	X	X
501	1386	Kỹ thuật gây mê lưu lượng thấp	X	X
502	1387	Kỹ thuật gây mê bằng ống Magill	X	X
503	1388	Kỹ thuật thông khí qua màng giáp nhân	X	X
504	1392	Kỹ thuật hô hấp nhân tạo bằng máy trong và sau mê	X	X
505	1396	Kỹ thuật vô cảm nắn xương	X	X
506	1402	Kỹ thuật theo dõi huyết áp động mạch không xâm lấn bằng máy	X	X
507	1407	Kỹ thuật chọc đặt kim luồn tĩnh mạch ngoại biên trẻ em	X	X
508	1409	Kỹ thuật truyền dịch trong sốc	X	X
509	1410	Kỹ thuật truyền máu trong sốc	X	X
510	1411	Kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp	X	X
511	1412	Kỹ thuật cấp cứu ngừng tim	X	X
512	1413	Kỹ thuật cấp cứu ngừng thở	X	X
513	1414	Kỹ thuật chọc tĩnh mạch cảnh trong	X	X
514	1415	Kỹ thuật chọc tĩnh mạch cảnh ngoài	X	X
515	1416	Kỹ thuật chọc tĩnh mạch đùi	X	X
516	1418	Kỹ thuật chọc tuỷ sống đường bên	X	X
517	1419	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng thắt lưng đường giữa	X	X
518	1420	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng thắt lưng đường bên	X	X
519	1421	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường trên xương đòn	X	X
520	1422	Gây tê đám rối cánh tay đường gian cơ bậc thang	X	X
521	1423	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường nách	X	X
522	1424	Kỹ thuật gây tê đám rối cổ nông	X	X
523	1425	Kỹ thuật gây tê đám rối cổ sâu	X	X
524	1426	Kỹ thuật gây tê ở khuỷu tay	X	X
525	1427	Kỹ thuật gây tê ở cổ tay	X	X
526	1428	Kỹ thuật gây tê thần kinh hông to	X	X
527	1429	Kỹ thuật gây tê 3 trong 1	X	X
528	1430	Kỹ thuật gây tê vùng khớp gối	X	X
529	1431	Kỹ thuật gây tê vùng bàn chân	X	X
530	1434	Gây mê hồi sức phẫu thuật thông dạ dày, khâu lỗ thủng dạ dày, ruột non đơn thuần	X	X
531	1435	Gây mê hồi sức phẫu thuật viêm ruột thừa, viêm phúc mạc, áp xe ruột thừa	X	X
532	1436	Vô cảm phẫu thuật thoát vị bẹn	X	X
533	1437	Gây mê hồi sức phẫu thuật vùng đáy chậu, hậu môn, bẹn, bìu	X	X
534	1438	Gây mê Hồi sức phẫu thuật chi trên	X	X
535	1439	Gây mê Hồi sức phẫu thuật chi dưới	X	X
536	1441	Gây mê Hồi sức người bệnh chấn thương không sốc, sốc nhẹ	X	X
537	1443	Gây mê để thay băng người bệnh bỏng	X	X
538	1444	Gây mê, gây tê cắt amidan ở trẻ em	X	X
539	1445	Gây mê Hồi sức phẫu thuật ổ bụng trung phẫu ở trẻ em	X	X

540	1446	Gây mêHồi sức phẫu thuật thoát vị bẹn, nước màng tinh hoàn ở trẻ em	x	x
541	1460	Thở máy xâm nhập, không xâm nhập với các phương thức khác nhau	x	x
542	1461	Mở khí quản trên người bệnh có hay không có ống nội khí quản	x	x
		VIII. BÔNG		
		A. CÁC KỸ THUẬT TRONG CẤP CỨU, ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN BÔNG		
543	1490	Thay băng điều trị bông sâu, dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	
544	1510	Thay băng điều trị bông nông, dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em.	x	x
545	1512	Rạch hoại tử bông sâu giải phòng chèn ép trong	x	x
546	1514	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi	x	x
547	1515	Ngâm rửa vết bông bằng nước mát sạch, băng ép, trong sơ cứu, cấp cứu tổn thương bông kỳ đầu.	x	x
		B. CÁC KỸ THUẬT TRONG ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG MÃN TÍNH		
548	1516	Thay băng điều trị vết thương mãn tính	x	
549	1517	Ngâm rửa điều trị vết thương mãn tính	x	
550	1518	Cắt đáy ổ loét vết thương mãn tính	x	
		IX. MẮT		
551	1582	Lấy dị vật trong củng mạc	x	
552	1641	Tiêm nội nhãn (kháng sinh, Avastin, corticoid...)	x	
553	1650	Rạch áp xe túi lệ	x	
554	1656	Cắt bỏ túi lệ	x	x
555	1657	Phẫu thuật mộng đơn thuần	x	x
556	1658	Lấy dị vật giác mạc	x	x
557	1659	Cắt bỏ chấp có bọc	x	x
558	1660	Khâu cò mi, tháo cò	x	x
559	1661	Chích dẫn lưu túi lệ	x	x
560	1663	Khâu da mi	x	x
561	1664	Khâu phục hồi bờ mi	x	x
562	1665	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	x	x
563	1666	Khâu phủ kết mạc	x	x
564	1667	Khâu giác mạc	x	x
565	1668	Khâu củng mạc	x	x
566	1669	Thăm dò, khâu vết thương củng mạc	x	x
567	1670	Khâu lại mép mô giác mạc, củng mạc	x	x
568	1681	Cắt chỉ khâu giác mạc	x	x
569	1682	Tiêm dưới kết mạc	x	x
570	1683	Tiêm cạnh nhãn cầu	x	x
571	1685	Bơm thông lệ đạo	x	x
572	1688	Khâu kết mạc	x	x
573	1690	Cắt chỉ khâu kết mạc	x	x
574	1691	Đốt lông xiêu	x	x
575	1692	Bơm rửa lệ đạo	x	x
576	1693	Chích chấp, leo, chích áp xe mi, kết mạc	x	x
577	1694	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	x	x
578	1695	Rửa củng đồ	x	x

579	1697	Bóc giả mạc	X	X
580	1698	Rạch áp xe mi	X	X
581	1699	Soi đáy mắt trực tiếp	X	X
582	1704	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu	X	X
583	1705	Theo dõi nhãn áp 3 ngày	X	X
584	1706	Lấy dị vật kết mạc	X	X
		X. RĂNG HÀM MẶT		
		A. RĂNG		
585	1938	Trám bít hồ rãnh với GlassIonomer Cement (GIC) hóa trùng hợp	X	X
586	1940	Trám bít hồ rãnh với Composite quang trùng hợp	X	X
587	1942	Điều trị răng sữa viêm tuỷ có hồi phục	X	X
588	1943	Lấy tuỷ buồng răng sữa	X	X
589	1944	Điều trị tuỷ răng sữa	X	X
590	1948	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn	X	X
591	1951	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Amalgam	X	X
592	1952	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Composite	X	X
593	1953	Trám bít hồ rãnh bằng GlassIonomer Cement (GIC)	X	X
594	1954	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)	X	X
595	1957	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em	X	X
596	1961	Điều trị viêm lợi do mọc răng	X	X
		B. HÀM MẶT		
597	2068	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	X	X
		XI. TAI MŨI HỌNG		
		A. TAI		
598	2114	Phẫu thuật nạo vét sụn vành tai	X	X
599	2115	Khâu vành tai rách sau chấn thương	X	X
600	2116	Thông vòi nhĩ	X	X
601	2118	Chọc hút dịch tụ huyết vành tai	X	X
602	2119	Chích nhọt ống tai ngoài	X	X
603	2121	Chích rạch màng nhĩ	X	
		B. MŨI XOANG		
604	2148	Nắn sống mũi sau chấn thương	X	X
605	2149	Nhét bắc mũi sau	X	X
606	2150	Nhét bắc mũi trước	X	X
607	2154	Làm Proetz	X	X
608	2155	Cầm máu mũi bằng Meroxio (2 bên)	X	X
		C. HỌNG – THANH QUẢN		
609	2174	Phẫu thuật cắt phanh môi, má, lưỡi	X	X
610	2175	Chích áp xe thành sau họng	X	X
611	2176	áp lạnh Amidan	X	X
612	2178	Lấy dị vật hạ họng	X	X
613	2179	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê	X	X
614	2180	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ	X	X
615	2181	Chích áp xe quanh Amidan	X	X
616	2182	Đốt nhiệt họng hạt	X	X
617	2183	Đốt lạnh họng hạt	X	X

518	2184	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản	X	X
619	2185	Bơm rửa đường hô hấp qua nội khí quản	X	X
620	2186	Bơm thuốc thanh quản	X	X
621	2187	Rửa vòm họng	X	X
622	2188	Đặt nội khí quản khó: Co thắt khí quản, đe dọa ngưng thở	X	X
623	2189	Sơ cứu bông kỳ đầu đường hô hấp	X	X
624	2190	Lấy dị vật họng miệng	X	X
625	2191	Khí dung mũi họng	X	X
		XII. PHỤ KHOA-SƠ SINH		
626	2246	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh	X	
627	2253	Phẫu thuật cắt âm vật phì đại	X	
628	2258	Chích áp xe tuyến Bartholin	X	X
629	2260	Chọc dò túi cùng Douglas	X	X
630	2261	Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ	X	X
631	2262	Lấy dị vật âm đạo	X	X
632	2263	Khâu rách cùng đồ âm đạo	X	X
		XIII. NỘI KHOA		
		C. TIÊU HÓA		
633	2355	Dẫn lưu dịch màng bụng	X	X
634	2356	Chọc hút áp xe thành bụng	X	X
635	2359	Nong hậu môn	X	X
		D. CƠ – XƯƠNG – KHỚP		
636	2367	Chọc dịch khớp	X	
637	2372	Tiêm corticoide vào khớp	X	
		G. TRUYỀN NHIỄM		
638	2386	Lấy bệnh phẩm trực tràng để chẩn đoán các bệnh nhiễm trùng	X	X
		XV. UNG BƯỚU- NHI		
		A. ĐẦU CŨ		
639	2451	Cắt u phần mềm vùng cổ	X	
640	2456	Cắt u da đầu lành, đường kính dưới 5 cm	X	X
641	2457	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính dưới 10 cm	X	X
642	2458	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính dưới 5 cm	X	X
		C. HÀM – MẶT		
643	2535	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt ĐK dưới 5 cm	X	X
644	2537	Cắt nang răng đường kính dưới 2 cm	X	X
		Đ. TAI – MŨI – HỌNG		
645	2613	Cắt polyp ống tai	X	X
		I. TIẾT NIỆU – SINH DỤC		
646	2710	Cắt u tinh hoàn có sinh thiết trong mổ	X	
647	2711	Cắt u phần mềm bìu	X	
648	2719	Cắt u sùi đầu miệng sáo	X	
649	2720	Cắt u lành dương vật	X	
		K. PHỤ KHOA		
650	2729	Cắt u nang buồng trứng xoắn	X	X
651	2731	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	X	X
652	2733	Cắt u thành âm đạo	X	X
653	2734	Bóc nang tuyến Bartholin	X	X

554	2735	Cắt u vú lành tính	X	X
655	2736	Mô bóc nhân xơ vú	X	X
		XVIII. DA LIỄU		
		B. ĐIỀU TRỊ NGOẠI KHOA DA LIỄU		
656	3035	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	X	X
657	3036	Điều trị hạt cơm phẳng bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	X	X
658	3039	Điều trị u mềm lây bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	X	X
659	3040	Điều trị u nhú, u mềm treo bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	X	X
660	3041	Điều trị các thương tổn có sùi bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	X	X
661	3045	Điều trị mắt cá chân bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	X	X
662	3046	Điều trị chai chân bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	X	X
663	3047	Điều trị sần cục bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	X	X
		XIX. NGOẠI KHOA		
		A. ĐẦU, THẦN KINH SỌ NÃO		
664	3082	Rách da đầu rộng trong máu tụ dưới da đầu	X	X
665	3083	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	X	X
		B. TIM MẠCH – LỒNG NGỰC		
		3. Động tĩnh mạch		
666	3221	Thắt các động mạch ngoại vi	X	X
		4. Ngực - phổi		
667	3261	Khâu kín vết thương thủng ngực	X	X
668	3264	Phẫu thuật cố định mảng sườn di động bằng nẹp	X	X
669	3265	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản	X	X
		C. TIÊU HÓA – BỤNG		
		2. Dạ dày		
670	3292	Mở dạ dày lấy bã thức ăn	X	
671	3297	Mở thông dạ dày	X	X
672	3298	Khâu lỗ thủng dạ dày, tá tràng đơn thuần	X	X
		3. Ruột non - ruột già		
673	3305	Phẫu thuật điều trị còn ống rốn tràng, túi thừa Meckel không biến chứng	X	
674	3306	Phẫu thuật điều trị viêm/chảy máu túi thừa Meckel	X	
675	3309	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do bã thức ăn	X	
676	3310	Phẫu thuật tắc ruột do giun	X	
677	3313	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do dính/dây chằng không cắt nối ruột	X	
678	3316	Làm hậu môn nhân tạo trẻ lớn	X	
679	3321	Đóng hậu môn nhân tạo	X	
680	3327	Phẫu thuật viêm ruột thừa	X	X
681	3328	Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa	X	X
682	3330	Phẫu thuật áp xe ruột thừa trong ổ bụng	X	X
683	3331	Cắt đoạn ruột non	X	X
684	3332	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	X	X
		4. Hậu môn – trực tràng		
685	3348	Phẫu thuật điều trị rò cạnh hậu môn	X	
686	3350	Phẫu thuật áp xe hậu môn, có mở lỗ rò	X	
687	3354	Phẫu thuật cắt móm thừa trực tràng	X	

688	3375	Nong hậu môn không gây mê	X	
689	3376	Thắt trĩ độ I, II	X	X
690	3377	Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản	X	X
691	3378	Thắt trĩ có kèm bóc tách, cắt một bó trĩ	X	X
692	3379	Phẫu thuật trĩ nhồi máu nhỏ	X	X
693	3380	Cắt polyp trực tràng	X	X
		5. Bẹn - Bụng		
694	3383	Cắt nang/polyp rốn	X	
695	3384	Phẫu thuật thoát vị khó: đùi, bịt	X	
696	3394	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đùi chậu	X	
697	3395	Phẫu thuật thoát vị bẹn nghẹt	X	
698	3396	Phẫu thuật thoát vị rốn nghẹt	X	
699	3397	Phẫu thuật thoát vị vết mổ cũ thành bụng	X	
700	3399	Dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản	X	X
701	3400	Lấy máu tụ tầng sinh môn	X	X
702	3401	Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng thường	X	X
703	3402	Mở bụng thăm dò	X	X
704	3403	Khâu lại bực thành bụng đơn thuần	X	X
705	3405	Chọc dò túi cùng Douglas	X	X
706	3406	Chích áp xe tầng sinh môn	X	X
707	3407	Phẫu thuật vết thương tầng sinh môn đơn giản	X	X
		D. GAN- MẬT – LÁCH – TUY		
		1.Gan		
710	3415	Khâu vỡ gan do chấn thương, vết thương gan	X	
		3. Lách - Tuy		
711	3461	Cắt lách bán phần do chấn thương	X	
712	3462	Khâu lách do chấn thương	X	
713	3463	Cắt lách toàn bộ do chấn thương	X	
		Đ. TIẾT NIỆU – SINH DỤC		
		3. Bàng quang		
714	3524	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang	X	
715	3527	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang	X	
716	3533	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang	X	X
717	3534	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius	X	X
		4. Niệu đạo		
718	3547	Lấy sỏi niệu đạo	X	
		5. Sinh dục		
719	3572	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ 1 bên một thì	X	
720	3573	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ 2 bên một thì	X	
721	3574	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ 1 bên hai thì	X	
722	3575	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ 2 bên hai thì	X	
723	3576	Cắt tinh mạc	X	
724	3577	Cắt mào tinh	X	
725	3578	Cắt phần phụ tinh hoàn/mào tinh hoàn xoắn	X	
726	3580	Thắt tĩnh mạch tinh trên bụng	X	
727	3583	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn/nang thừng tinh 1 bên/2 bên	X	
728	3584	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn/nang thừng tinh 1 bên/2 bên	X	

729	3589	Phẫu thuật thoát vị bẹn bẹn nghệt	X	
730	3590	Phẫu thuật thoát vị đùi đùi nghệt	X	
731	3593	Chích rạch màng trinh điều trị ứ dịch âm đạo, tử cung	X	
732	3594	Khâu vết thương âm hộ, âm đạo	X	
733	3595	Tách màng ngăn âm hộ	X	
734	3596	Phẫu thuật thăm dò bìu trong đau bìu cấp ở trẻ em	X	
735	3599	Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên /2 bên	X	X
736	3600	Rạch rộng vòng thắt nghệt bao quy đầu	X	X
737	3601	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	X	X
738	3603	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài	X	X
739	3606	Nong niệu đạo	X	X
740	3607	Cắt bỏ tinh hoàn	X	X
		E. CHẤN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH		
		2. Vai		
741	3649	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương đòn	X	X
		3. Cánh, cẳng tay		
742	3662	Cố định nẹp vít gãy liên lõi cầu cánh tay	X	
743	3664	Cố định Kirschner trong gãy đầu trên x.cánh tay	X	
744	3665	Cố định nẹp vít gãy thân xương cánh tay	X	
745	3666	Phẫu thuật cứng duỗi khớp khuỷu	X	
746	3667	Phẫu thuật dính khớp khuỷu	X	
747	3669	Phẫu thuật trật khớp khuỷu	X	
748	3671	Phẫu thuật dính khớp khuỷu	X	
749	3672	Phẫu thuật dính khớp quay trụ bẩm sinh	X	
750	3673	Phẫu thuật can lệnh đầu dưới xương quay	X	
751	3675	Phẫu thuật gãy đầu dưới x.quay và trật khớp quay trụ dưới	X	
752	3676	Nắn găm Kirschner trong gãy Pouteau-Colles	X	
753	3677	Phẫu thuật giải phóng dây giữa trong hội chứng ống cổ tay	X	
754	3678	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời	X	
755	3679	Phẫu thuật gãy Monteggia	X	
756	3684	Phẫu thuật gãy lõi cầu ngoài xương cánh tay	X	X
757	3686	Phẫu thuật gãy mỏm trên ròng rọc xương cánh tay	X	X
758	3688	Phẫu thuật cố định nẹp vít gãy hai xương cẳng tay	X	X
759	3689	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 2 xương cẳng tay	X	X
760	3690	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 1 xương cẳng tay	X	X
		4. Bàn, ngón tay		
761	3703	Găm đinh Kirschner gãy đốt bàn nhiều đốt bàn	X	
762	3705	Phẫu thuật dị tật dính ngón ≤ 2 ngón tay	X	
763	3706	Phẫu thuật điều trị ngón tay cò súng	X	
764	3711	Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay	X	X
765	3712	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương với Kirschner hoặc nẹp vít	X	X
		5. Hông - Đùi		
766	3732	Đặt đinh nẹp gãy xương đùi (xuôi dòng)	X	
767	3739	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời	X	
768	3742	Phẫu thuật xơ cứng cơ thẳng trước	X	

769	3743	Cố định ngoài điều trị gãy khung chậu	X	
770	3744	Cố định ngoài điều trị gãy xương đùi	X	
		6. Khớp gối		
771	3754	Néo ép hoặc buộc vòng chỉ thép gãy x.bánh chè	X	X
772	3756	Chọc hút máu tụ khớp gối, bó bột ống	X	X
		7. Cẳng chân		
773	3758	Đóng đinh xương chày mở	X	
774	3759	Đặt nẹp vít gãy thân xương chày	X	
775	3760	Đặt nẹp vít gãy đầu dưới xương chày	X	
776	3763	Phẫu thuật cơ gân Achilles	X	
777	3773	Cố định ngoài điều trị gãy xương cẳng chân	X	
778	3774	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời	X	
779	3778	Găm Kirschner trong gãy mắt cá	X	
780	3779	Kết hợp xương trong gãy xương mác	X	
		8. Cổ chân, bàn chân, ngón chân		
781	3785	kết hợp xương điều trị gãy xương bàn, xương ngón chân	X	
782	3786	Đặt vít gãy thân xương sên	X	
783	3788	Phẫu thuật Kirschner gãy thân xương sên	X	
784	3793	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời	X	
785	3797	Tháo bỏ các ngón chân	X	
786	3798	Tháo đốt bàn	X	
		9. Phần mềm (da, cơ, gân, thần kinh)		
787	3803	Nối gân gấp	X	
789	3804	Gỡ dính gân	X	
791	3811	Cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể	X	
793	3816	Phẫu thuật vết thương bàn tay, cắt lọc đơn thuần	X	
795	3818	Khâu lại da vết phẫu thuật sau nhiễm khuẩn	X	X
797	3819	Nối gân duỗi	X	X
799	3820	Tạo hình bằng các vật tại chỗ đơn giản	X	X
801	3821	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản	X	X
803	3822	Cắt hoại tử tiếp tuyến 10 đến 15% diện tích cơ thể	X	X
805	3823	Cắt hoại tử tiếp tuyến từ dưới 10% diện tích cơ thể	X	X
807	3824	Vá da dày toàn bộ, diện tích dưới 10cm ²	X	X
		10. Nắn - Bó bột		
808	3833	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	X	
809	3834	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa xương đùi	X	
810	3835	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	X	
811	3838	Nắn, bó bột cột sống	X	X
812	3839	Nắn, bó bột trật khớp vai	X	X
813	3840	Nắn, bó bột gãy xương đòn	X	X
814	3841	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	X	X
815	3842	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	X	X
816	3843	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	X	X
817	3844	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	X	X
818	3845	Nắn bó bột gãy và trật khớp khuỷu	X	X
819	3846	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	X	X

820	3847	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	X	X
821	3849	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	X	X
822	3850	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	X	X
823	3851	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	X	X
824	3852	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	X	X
825	3853	Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles	X	X
826	3854	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	X	X
827	3855	Nắn, bó bột trật khớp háng	X	X
828	3857	Nắn, bó bột gãy mâm chày	X	X
829	3858	Nắn, bó bột gãy xương chậu	X	X
830	3861	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	X	X
831	3863	Nắn, bó bột trật khớp gối	X	X
832	3864	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	X	X
833	3865	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	X	X
834	3866	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	X	X
835	3867	Nắn, bó bột gãy xương chày	X	X
836	3868	Nắn, bó bột gãy Dupuytren	X	X
837	3869	Nắn, bó bột gãy Monteggia	X	X
838	3870	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	X	X
839	3871	Nắn, bó bột gãy xương gót	X	X
840	3872	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	X	X
841	3873	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	X	X
842	3874	Nắn, cố định trật khớp hàm	X	X
843	3875	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	X	X
844	3877	Nẹp bột các loại, không nắn	X	X
		11. Các kỹ thuật khác		
845	3887	Phẫu thuật điều trị can lệch, có kết hợp xương	X	
846	3888	Phẫu thuật can lệch, không kết hợp xương	X	
847	3898	Chích rạch áp xe lớn, dẫn lưu	X	X
848	3899	Mở cửa sổ xương	X	X
849	3900	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật	X	X
850	3901	Rút đinh các loại	X	X
851	3902	Phẫu thuật vết thương khớp	X	X
852	3903	Phẫu thuật viêm tấy phần mềm ở cơ quan vận động	X	X
853	3905	Rút chỉ thép xương ức	X	X
		G. CÁC PHẪU THUẬT KHÁC		
854	3920	Phẫu thuật lấy dị vật phần mềm	X	
855	3921	Phẫu thuật sinh thiết tổ chức phần mềm bề mặt	X	
856	3923	Phẫu thuật lại cầm máu do chảy máu sau mổ	X	
857	3924	Cắt lọc tổ chức hoại tử	X	X
		XX. PHẪU THUẬT NỘI SOI		
		D. BỤNG – TIÊU HÓA		
858	4068	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày	X	
859	4070	Phẫu thuật nội soi thoát vị bẹn	X	
860	4071	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	X	
861	4075	Phẫu thuật nội soi lỗ thủng ruột do bệnh lý hoặc vết thương bụng	X	

162

862	4076	Phẫu thuật nội soi điều trị thủng tạng rỗng (trong chấn thương bụng)	x	
863	4078	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc ruột thừa	x	
864	4079	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel	x	
		Đ. TIẾT NIỆU – SINH DỤC		
		2. Niệu quản		
865	4101	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa bàng quang	x	
866	4106	Nội soi đặt sonde JJ	x	
867	4107	Nội soi tháo sonde JJ	x	
868	4109	Tán sỏi niệu quản qua nội soi	x	
		3. Bàng quang		
869	4116	Nội soi lấy sỏi bàng quang	x	
870	4117	Nội soi bàng quang chẩn đoán	x	
871	4119	Bóp sỏi bàng quang qua nội soi (bóp sỏi cơ học)	x	
872	4120	Phẫu thuật nội soi điều trị túi sa niệu quản trong bàng quang	x	
		4. Sinh dục, niệu đạo		
873	4138	Nội soi niệu đạo, bàng quang chẩn đoán	x	
874	4140	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng	x	
875	4141	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ	x	
		IV. LAO (NGOẠI LAO)		
876	17	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cánh tay	x	
877	18	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng tay	x	
878	19	Phẫu thuật nạo viêm lao xương đốt bàn-ngón tay	x	
879	26	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng chân	x	
880	27	Phẫu thuật nạo viêm lao xương bàn-ngón chân	x	
881	34	Phẫu thuật bóc tách, cắt bỏ hạch lao to vùng bẹn	x	
882	35	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao hạch cổ	x	
883	38	Phẫu thuật nạo viêm lao thành ngực	x	x
884	39	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng cổ	x	x
885	40	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng nách	x	x
886	41	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng bẹn	x	x
		V. DA LIỄU		
		B. NGOẠI KHOA		
		1. Thủ thuật		
887	23	Điều trị rụng tóc bằng tiêm Triamcinolon dưới da	x	
888	24	Điều trị sẹo lồi bằng tiêm Triamcinolon trong thương tổn	x	
889	51	Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn	x	x
		2. Phẫu thuật		
890	69	Phẫu thuật điều trị móng cuộn, móng quặp	x	
891	71	Đắp mặt nạ điều trị một số bệnh da	x	x
		VI. TÂM THẦN		
		Đ. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TRONG TÂM THẦN		
892	58	Liệu pháp thể dục, thể thao	x	x
893	59	Liệu pháp tái thích ứng xã hội	x	x
894	60	Liệu pháp lao động	x	x
		E. XỬ TRÍ ĐIỀU TRỊ TÍCH CỰC		
895	62	Xử trí trạng thái kích động	x	x

896	63	Xử trí trạng thái động kinh	X	
897	64	Xử trí trạng thái không ăn	X	X
898	68	Cấp cứu tự sát	X	X
899	69	Xử trí hạ huyết áp tư thế	X	X
900	71	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần	X	X
901	72	Xử trí trạng thái sáng rượu	X	
		G. CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ NGHIỆN MA TÚY		
902	73	Test nhanh phát hiện chất opiats trong nước tiểu	X	X
903	74	Test nhanh phát hiện chất gây nghiện trong nước tiểu	X	X
904	83	Điều trị nghiện rượu	X	
		VII. NỘI TIẾT		
		1. Kỹ thuật chung		
905	3	Dẫn lưu áp xe tuyến giáp	X	X
906	6	Cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân	X	
907	7	Cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	X	
908	8	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	X	
909	9	Cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân	X	
910	10	Cắt 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân	X	
911	30	Phẫu thuật cầm máu lại sau mổ tuyến giáp	X	
912	34	Cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên	X	
		4. Phẫu thuật mở các tuyến nội tiết bằng dao lưỡng cực		
913	100	Cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân bằng dao lưỡng cực	X	
914	101	Cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao lưỡng cực	X	
915	102	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao lưỡng cực	X	
916	103	Cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao lưỡng cực	X	
917	104	Cắt 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao lưỡng cực	X	
918	105	Cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng dao lưỡng cực	X	
		9. Các kỹ thuật khác		
919	242	Chọc hút dịch điều trị u nang giáp	X	X
920	244	Chọc hút tế bào tuyến giáp	X	X
		VIII. Y HỌC CỔ TRUYỀN		
		A. KỸ THUẬT CHUNG		
921	13	Kéo nắn cột sống cổ	X	X
922	14	Kéo nắn cột sống thắt lưng	X	X
923	15	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy	X	X
		C. ĐIỆN MĂNG CHÂM		
924	114	Điện măng châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông	X	X
925	116	Điện măng châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	X	X
926	119	Điện măng châm điều trị tâm căn suy nhược	X	X
927	126	Điện măng châm điều trị đái dầm	X	X

928	130	Điện mẫn châm điều trị hội chứng vai gáy	X	X
929	133	Điện mẫn châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	X	X
930	134	Điện mẫn châm điều trị tắc tia sữa	X	X
931	135	Điện mẫn châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	X	X
932	137	Điện mẫn châm điều trị đau thần kinh V	X	X
933	141	Điện mẫn châm điều trị liệt chi trên	X	X
934	142	Điện mẫn châm điều trị liệt chi dưới	X	X
935	154	Điện mẫn châm điều trị viêm đa khớp dạng thấp	X	X
936	155	Điện mẫn châm điều trị viêm quanh khớp vai	X	X
937	156	Điện mẫn châm điều trị giảm đau do thoái hóa khớp	X	X
938	157	Điện mẫn châm điều trị đau lưng	X	X
939	160	Điện mẫn châm điều trị rối loạn tiểu tiện	X	X
940	161	Điện mẫn châm điều trị bí đái cơ năng	X	X
		D. ĐIỆN NHỈ CHÂM		
941	162	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền đình	X	X
942	163	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy	X	X
943	166	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây VII ngoại biên	X	X
944	167	Điện nhĩ châm điều trị tắc tia sữa	X	X
945	169	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu đầu, đau nửa đầu	X	X
946	170	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ	X	X
947	171	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng stress	X	X
948	173	Điện nhĩ châm điều trị nấc	X	X
949	177	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	X	X
950	188	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiểu tiện	X	X
951	189	Điện nhĩ châm điều trị bí đái cơ năng	X	X
952	194	Điện nhĩ châm điều trị đau dây thần kinh V	X	X
953	195	Điện nhĩ châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	X	X
954	196	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	X	X
955	199	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên	X	X
956	200	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới	X	X
957	211	Điện nhĩ châm điều trị đái dầm	X	X
958	215	Điện nhĩ châm điều trị viêm khớp dạng thấp	X	X
959	216	Điện nhĩ châm điều trị viêm quanh khớp vai	X	X
960	217	Điện nhĩ châm điều trị đau do thoái hóa khớp	X	X
961	218	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng	X	X
962	219	Điện nhĩ châm điều trị ù tai	X	X
963	221	Điện nhĩ châm điều trị liệt rễ, đám rối dây thần kinh	X	X
		D. CÂY CHỈ		
964	228	Cây chỉ điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	X	X
965	229	Cây chỉ điều trị tâm căn suy nhược	X	X
966	238	Cây chỉ điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	X	X
967	247	Cây chỉ điều trị hen phế quản	X	X
968	249	Cây chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	X	X
969	253	Cây chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	X	X
970	257	Cây chỉ điều trị liệt chi trên	X	X

971	258	Cây chỉ điều trị liệt chi dưới	X	X
972	265	Cây chỉ hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	X	X
973	266	Cây chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	X	X
974	267	Cây chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp	X	X
975	268	Cây chỉ điều trị đau lưng	X	X
976	269	Cây chỉ điều trị đái dầm	X	X
		E. ĐIỆN CHÂM		
977	278	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	X	X
978	279	Điện châm điều trị huyết áp thấp	X	X
979	280	Điện châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	X	X
980	281	Điện châm điều trị hội chứng stress	X	X
981	292	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện	X	X
982	293	Điện châm điều trị bí đái cơ năng	X	X
983	296	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	X	X
984	297	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	X	X
985	300	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	X	X
986	301	Điện châm điều trị liệt chi trên	X	X
987	302	Điện châm điều trị chấp lẹo	X	X
988	313	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	X	X
989	314	Điện châm điều trị ù tai	X	X
990	315	Điện châm điều trị giảm khứu giác	X	X
991	316	Điện châm ĐT liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	X	X
992	317	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	X	X
		G. THỦY CHÂM		
993	322	Thủy châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông	X	X
994	323	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	X	X
995	324	Thủy châm điều trị mất ngủ	X	X
996	325	Thủy châm điều trị hội chứng stress	X	X
997	326	Thủy châm điều trị nấc	X	X
998	330	Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	X	X
999	337	Thủy châm điều trị tâm căn suy nhược	X	X
1000	350	Thủy châm điều trị đái dầm	X	X
1001	351	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình	X	X
1002	352	Thủy châm điều trị đau vai gáy	X	X
1003	354	Thủy châm điều trị huyết áp thấp	X	X
1004	355	Thủy châm ĐT thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	X	X
1005	356	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	X	X
1006	357	Thủy châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	X	X
1007	358	Thủy châm điều trị thất vận ngôn	X	X
1008	359	Thủy châm điều trị đau dây V	X	X
1009	360	Thủy châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn thương cột sống	X	X
1010	365	Thủy châm điều trị liệt chi trên	X	X
1011	366	Thủy châm điều trị liệt hai chi dưới	X	X
1012	375	Thủy châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	X	X
1013	376	Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp	X	X
1014	377	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai	X	X

1015	378	Thủy châm điều trị đau lưng	X	X
1016	379	Thủy châm điều trị sụp mí	X	X
		H. XOA BÓP BẨM HUYẾT		
1017	389	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi trên	X	X
1018	390	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi dưới	X	X
1019	391	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	X	X
1020	392	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng thắt lưng- hông	X	X
1021	396	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi trên	X	X
1022	397	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi dưới	X	X
1023	398	Xoa bóp bấm huyết điều trị choáng, ngất	X	X
1024	402	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do bệnh của cơ	X	X
1025	406	Xoa bóp bấm huyết điều trị tâm căn suy nhược	X	X
1026	408	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau đầu, đau nửa đầu	X	X
1027	409	Xoa bóp bấm huyết điều trị mất ngủ	X	X
1028	410	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng stress	X	X
1029	411	Xoa bóp bấm huyết điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	X	X
1030	412	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	X	X
1031	413	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương dây thần kinh V	X	X
1032	414	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	X	X
1033	415	Xoa bóp bấm huyết điều trị sụp mí	X	X
1034	423	Xoa bóp bấm huyết hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	X	X
1035	424	Xoa bóp bấm huyết điều trị huyết áp thấp	X	X
1036	425	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau thần kinh liên sườn	X	X
1037	428	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm khớp dạng thấp	X	X
1038	429	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau do thoái hoá khớp	X	X
1039	430	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau lưng	X	X
1040	431	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm quanh khớp vai	X	X
1041	432	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng vai gáy	X	X
1042	434	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	X	X
1043	435	Xoa bóp bấm huyết điều trị tắc tia sữa	X	X
1044	439	Xoa bóp bấm huyết điều trị táo bón	X	X
1045	442	Xoa bóp bấm huyết điều trị bí đái cơ năng	X	X
1046	445	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	X	X
1047	446	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	X	X
1048	449	Xoa bóp bấm huyết điều trị đái dầm	X	X
		I. CỨU		
1049	451	Cứu DT hội chứng thắt lưng- hông thể phong hàn	X	X
1050	452	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	X	X
1051	453	Cứu điều trị nấc thể hàn	X	X
1052	454	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	X	X
1053	455	Cứu điều trị khản tiếng thể hàn	X	X
1054	456	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	X	X
1055	457	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	X	X
1056	458	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	X	X
1057	459	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	X	X



12/2

1058	460	Cứu ĐT liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn	x	x
1059	461	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	x	x
1060	468	Cứu điều trị bí đái thể hàn	x	x
1061	472	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	x	x
1062	473	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	x	x
1063	475	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	x	x
		K. GIÁC HƠI	x	x
1064	479	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	x	x
1065	480	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	x	x
1066	481	Giác hơi điều trị các chứng đau	x	x
		IX. GÂY MÊ HỒI SỨC		
		A. CÁC KỸ THUẬT		
1067	6	Cấp cứu cao huyết áp	x	x
1068	7	Cấp cứu ngừng thở	x	x
1069	8	Cấp cứu ngừng tim	x	x
1070	10	Cấp cứu tụt huyết áp	x	x
1071	12	Chăm sóc catheter động mạch	x	x
1072	13	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	x
1073	15	Chọc tĩnh mạch cảnh ngoài	x	x
1074	16	Chọc tĩnh mạch cảnh trong	x	x
1075	17	Chọc tĩnh mạch đùi	x	x
1076	18	Chọc tĩnh mạch dưới đòn	x	x
1077	19	Chọc tuỷ sống đường bên	x	x
1078	20	Chọc tuỷ sống đường giữa	x	x
1079	21	Chống hạ thân nhiệt trong hoặc sau phẫu thuật	x	x
1080	33	Đặt mát thanh quản Fastract	x	x
1081	34	Đặt mát thanh quản kinh điển hoặc tương đương	x	x
1082	35	Đặt mát thanh quản Proseal hoặc tương đương	x	x
1083	37	Đặt nội khí quản khi dạ dày đầy	x	x
1084	38	Đặt nội khí quản khó ngược dòng	x	x
1085	40	Đặt nội khí quản khó với đèn McCoy (đèn có mũi điều khiển).	x	x
1086	41	Đặt nội khí quản mở qua mũi	x	x
1087	42	Đặt nội khí quản qua đèn Airtracq hoặc tương đương	x	x
1088	43	Đặt nội khí quản qua đèn Glidescope hoặc tương đương	x	x
1089	44	Đặt nội khí quản qua mũi	x	x
1090	46	Đặt nội khí quản với thuốc mê tĩnh mạch, thuốc mê hô hấp	x	x
1091	59	Dự phòng rối loạn đông máu bằng tiêm truyền axit tranexamic	x	x
1092	60	Dự phòng tắc tĩnh mạch sau PT, sau chấn thương	x	x
1093	61	Kỹ thuật gây mê có hạ huyết áp chỉ huy	x	
1094	63	Kỹ thuật gây mê hô hấp với hệ thống Magill	x	x
1095	64	Kỹ thuật gây mê lưu lượng thấp	x	x
1096	65	Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch trong chọc hút trứng	x	
1097	66	Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch trong nạo hút thai	x	
1098	67	Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch với etomidate, ketamine, propofol, thiopental	x	x
1099	69	Kỹ thuật gây tê 3 trong 1	x	x
1100	70	Kỹ thuật gây tê cạnh nhãn cầu	x	x

1262

1101	72	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng thắt lưng đường giữa	x	x
1102	73	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng thắt lưng, đường bên	x	x
1103	74	KT gây tê đám rối cánh tay đường trên xương đòn	x	x
1104	75	KT gây tê đám rối cánh tay đường gian cơ bậc thang	x	x
1105	76	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường nách	x	x
1106	77	Kỹ thuật gây tê đám rối cổ nông	x	x
1107	78	Kỹ thuật gây tê đám rối cổ sâu	x	x
1108	79	KT gây tê đám rối thần kinh bằng máy dò xung điện	x	x
1109	80	Kỹ thuật gây tê đám rối thần kinh bằng máy siêu âm	x	x
1110	81	Kỹ thuật gây tê đám rối thắt lưng	x	
1111	82	KT gây tê đặt kim kết hợp tủy sống - ngoài MC	x	x
1112	83	Kỹ thuật gây tê hoặc giảm đau cạnh đốt sống	x	
1113	84	Kỹ thuật gây tê khoang cùng	x	x
1114	85	Kỹ thuật gây tê ngoài màng cứng phẫu thuật lấy thai	x	
1115	86	Kỹ thuật gây tê ở cổ tay	x	x
1116	87	Kỹ thuật gây tê ở khuỷu tay	x	x
1117	88	Kỹ thuật gây tê thần kinh hông to	x	x
1118	89	Kỹ thuật gây tê thần kinh	x	x
1119	90	KT gây tê thần kinh bằng máy dò thần kinh	x	x
1120	91	KT gây tê thần kinh bằng máy dò xung điện	x	x
1121	92	Kỹ thuật gây tê thần kinh bằng máy siêu âm	x	x
1122	93	Kỹ thuật gây tê tủy sống + ngoài màng cứng phối hợp phẫu thuật lấy thai	x	
1123	94	Kỹ thuật gây tê tủy sống phẫu thuật lấy thai	x	x
1124	95	Kỹ thuật gây tê vùng bàn chân	x	x
1125	96	Kỹ thuật gây tê vùng khớp gối	x	x
1126	97	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x
1127	98	KT giảm đau bằng tiêm morphin cách quãng dưới da	x	x
1128	99	Kỹ thuật giảm đau bằng dò liều morphin tĩnh mạch	x	x
1129	101	Kỹ thuật giảm đau bằng morphinic tủy sống	x	
1130	102	Kỹ thuật giảm đau bằng thuốc cho người bệnh sau phẫu thuật, sau chấn thương	x	x
1131	103	Kỹ thuật giảm đau bằng thuốc tê-morphinic qua khoang ngoài màng cứng ngực qua bơm tiêm điện	x	
1132	104	KT giảm đau bằng thuốc tê-morphinic qua khoang ngoài màng cứng thắt lưng qua bơm tiêm điện	x	x
1133	106	Kỹ thuật giảm đau bằng truyền liên tục thuốc tê vào đám rối qua catheter	x	
1134	107	Kỹ thuật giảm đau bằng truyền liên tục thuốc tê vào thần kinh qua catheter	x	
1135	109	Kỹ thuật giảm đau sau phẫu thuật bằng gây tê NMC	x	
1136	110	Kỹ thuật giảm đau sau phẫu thuật bằng truyền ketamin liều thấp	x	x
1137	113	KT giảm đau trong chuyển dạ bằng gây tê NMC	x	
1138	114	Kỹ thuật giảm đau và gây ngủ nắn xương	x	x

112

1139	115	KT giảm đau và gây ngủ ngoài phòng phẫu thuật	x	x
1140	117	Hô hấp nhân tạo bằng máy trong và sau mê	x	x
1141	118	Hô hấp nhân tạo bằng tay với bóng hay ambu trong và sau mê	x	x
1142	119	Hút dẫn lưu ngực	x	x
1143	120	Hút nội khí quản bằng hệ thống kín	x	x
1144	121	Hút nội khí quản hoặc hút mở khí quản	x	x
1145	123	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng	x	x
1146	135	Mê tĩnh mạch theo TCI	x	x
1147	136	Mở khí quản	x	x
1148	139	Nâng thân nhiệt chỉ huy	x	x
1149	141	Nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch	x	x
1150	142	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày	x	x
1151	143	Nuôi dưỡng qua ống thông hồng tràng	x	x
1152	146	Phát hiện, phòng, điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện (vết phẫu thuật, catheter, hô hấp, tiết niệu...)	x	x
1153	147	Phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày	x	x
1154	151	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	x	x
1155	152	Thăm phân phúc mạc	x	x
1156	177	Thở CPAP không qua máy thở	x	x
1157	182	Thở máy xâm nhập với các phương thức khác nhau	x	x
1158	183	Thở oxy gọng kính	x	x
1159	184	Thở oxy qua mặt nạ	x	x
1160	185	Thở oxy qua mũi kín	x	x
1161	186	Thở oxy qua ống chữ T	x	x
1162	187	Thông khí áp lực dương 2 mức qua hệ thống Boussignac	x	x
1163	188	Thông khí không xâm nhập bằng máy thở	x	x
1164	190	Thông khí qua màng giáp nhân	x	x
1165	192	Thường qui đặt nội khí quản khó	x	x
1166	198	Truyền máu khối lượng lớn	x	
1167	199	Truyền máu trong sốc	x	x
		B. GÂY Mê		
1168	209	Gây mê các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ	x	x
1169	210	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân Basedow	x	
1170	211	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh tim	x	
1171	213	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đa chấn thương	x	
1172	214	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đái tháo đường	x	
1173	215	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân động kinh + tiền sử động kinh	x	
1174	217	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân hen phế quản	x	
1175	220	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân Lupus	x	
1176	222	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau bong non	x	

1177	223	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau cài răng lược	x	
1178	224	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau tiền đạo ra máu	x	
1179	225	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân thai chết lưu	x	
1180	226	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân tiền sản giật nặng	x	
1181	229	Gây mê nội soi buồng tử cung, nạo buồng tử cung	x	
1182	232	Gây mê nội soi mở rộng niệu quản, nong rộng niệu quản	x	
1183	233	Gây mê nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gấp sỏi niệu quản	x	
1184	234	Gây mê nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser	x	
1185	235	Gây mê nội soi niệu quản tán sỏi bằng laser	x	
1186	238	Gây mê nội soi nong niệu quản hẹp	x	
1187	239	Gây mê nội soi ổ bụng chẩn đoán	x	
1188	242	Gây mê nội soi tán sỏi niệu quản	x	
1189	243	Gây mê nội soi tán sỏi niệu quản ngược dòng	x	
1190	245	Gây mê nội soi thận ống mềm gấp sỏi thận	x	
1191	246	Gây mê nội soi thận ống mềm tán sỏi thận	x	
1192	248	Gây mê nội soi xé lỗ niệu quản lấy sỏi	x	
1193	250	Gây mê phẫu thuật áp xe gan	x	x
1194	253	Gây mê phẫu thuật áp xe tồn dư ổ bụng	x	
1195	261	Gây mê phẫu thuật bàn chân bẹt, bàn chân lõm	x	
1196	262	Gây mê phẫu thuật bàn chân gót và xoay ngoài	x	
1197	263	Gây mê phẫu thuật bàn chân khoèo bẩm sinh	x	
1198	264	Gây mê phẫu thuật bàn chân thường	x	
1199	267	Gây mê phẫu thuật bất động ngoài xương chày, xương đùi	x	x
1200	269	Gây mê phẫu thuật bệnh nhân chữa ngoài dạ con vỡ	x	x
1201	270	Gây mê phẫu thuật bệnh nhân tắc mạch ối	x	
1202	271	Gây mê phẫu thuật bệnh nhân viêm phúc mạc ruột thừa	x	x
1203	277	Gây mê phẫu thuật bóc nhân xơ tử cung	x	
1204	278	Gây mê phẫu thuật bóc nhân xơ vú	x	
1205	279	Gây mê phẫu thuật bóc u xơ tiền liệt tuyến	x	
1206	281	Gây mê phẫu thuật bong hay đứt dây chằng bên khớp gối	x	
1207	286	Gây mê phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	x	x
1208	288	Gây mê phẫu thuật bụng lớn ở trẻ em	x	
1209	289	Gây mê phẫu thuật bướu cổ	x	x
1210	290	Gây mê phẫu thuật bướu tinh hoàn	x	x
1211	292	Gây mê phẫu thuật cầm máu lại tuyến giáp	x	x
1212	307	Gây mê phẫu thuật cắt 2 tạng trong ổ bụng (tiểu khung) trở lên	x	
1213	309	Gây mê phẫu thuật cắt âm hộ đơn thuần	x	x
1214	311	Gây mê phẫu thuật cắt amidan ở người lớn	x	x
1215	312	Gây mê phẫu thuật cắt amidan ở trẻ em	x	x
1216	319	Gây mê phẫu thuật cắt bàng quang	x	
1217	321	Gây mê phẫu thuật cắt bàng quang, tạo hình bàng quang	x	

162

1218	322	Gây mê phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài	X	X
1219	326	Gây mê phẫu thuật cắt buồng trứng 2 bên	X	
1220	330	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	X	X
1221	333	Gây mê phẫu thuật cắt chấp có bọc	X	X
1222	337	Gây mê phẫu thuật cắt chòm nang gan	X	
1223	338	Gây mê phẫu thuật cắt cổ bàng quang	X	
1224	341	Gây mê phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường âm đạo	X	
1225	342	Gây mê phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường bụng, đường âm đạo	X	
1226	343	Gây mê phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường bụng	X	
1227	346	Gây mê phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay	X	X
1228	347	Gây mê phẫu thuật cắt cụt chi	X	X
1229	348	Gây mê phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	X	X
1230	354	Gây mê phẫu thuật cắt đoạn chi	X	X
1231	355	Gây mê phẫu thuật cắt đường dò dưới da-dưới màng tuỷ	X	X
1232	358	Gây mê phẫu thuật cắt đường thông động – tĩnh mạch chạy thận nhân tạo do biến chứng hoặc sau ghép thận	X	X
1233	367	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bì sâu từ 1% - 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	X	X
1234	368	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bì sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở người lớn	X	X
1235	369	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm	X	X
1236	370	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính mí mắt	X	X
1237	371	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm	X	X
1238	373	Gây mê phẫu thuật cắt lách bán phần	X	
1239	374	Gây mê phẫu thuật cắt lách bệnh lý	X	
1240	375	Gây mê phẫu thuật cắt lách do chấn thương	X	X
1241	377	Gây mê phẫu thuật cắt lại dạ dày	X	
1242	378	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân từ 1% - 3% diện tích cơ thể	X	X
1243	379	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể	X	X
1244	380	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể	X	X
1245	381	Gây mê phẫu thuật cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay	X	X
1246	383	Gây mê phẫu thuật cắt lọc vết thương gãy xương hở, nằm chỉnh và cố định tạm thời	X	X
1247	386	Gây mê phẫu thuật cắt mạc nối lớn, phúc mạc	X	X
1248	390	Gây mê PT cắt manh tràng và đoạn cuối hồi tràng	X	
1249	391	Gây mê phẫu thuật cắt mào tinh	X	
1250	392	Gây mê phẫu thuật cắt mòm thừa trực tràng	X	
1251	398	Gây mê phẫu thuật cắt một phần tụy	X	
1252	404	Gây mê phẫu thuật cắt nang ống mật chủ	X	
1253	406	Gây mê phẫu thuật cắt nang tụy	X	
1254	409	Gây mê phẫu thuật cắt nhiều đoạn ruột non	X	
1255	413	Gây mê phẫu thuật cắt nối niệu quản	X	
1256	423	Gây mê phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung	X	

1182

1257	425	Gây mê PT cắt polyp một đoạn đại tràng phải, cắt đoạn đại tràng phía trên lâm hậu môn nhân tạo	x	
1258	427	Gây mê phẫu thuật cắt rộng tổ chức áp xe vú	x	x
1259	429	Gây mê phẫu thuật cắt ruột non hình chêm	x	x
1260	430	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa đơn thuần	x	x
1261	431	Gây mê PT cắt ruột thừa viêm cấp ở trẻ dưới 6 tuổi	x	
1262	432	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ áp xe	x	x
1263	435	Gây mê phẫu thuật cắt tá tràng bảo tồn đầu tụy	x	x
1264	436	Gây mê phẫu thuật cắt thận	x	
1265	437	Gây mê phẫu thuật cắt thận bán phần	x	
1266	450	Gây mê phẫu thuật cắt thừa ngón đơn thuần	x	x
1267	461	Gây mê phẫu thuật cắt thùy gan trái	X	
1268	465	Gây mê phẫu thuật cắt thùy tuyến giáp	X	
1269	466	Gây mê phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ	X	x
1270	467	Gây mê phẫu thuật cắt tinh hoàn	x	x
1271	479	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ ruột non	x	x
1272	494	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + phần phụ + mạc nối lớn	X	x
1273	496	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng, u buồng trứng, phần phụ	X	x
1274	503	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung	X	x
1275	504	Gây mê phẫu thuật cắt túi lệ	X	
1276	505	Gây mê phẫu thuật cắt túi mật	X	x
1277	506	Gây mê phẫu thuật cắt túi sa niệu quản	X	
1278	508	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa Meckel	X	x
1279	509	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa niệu đạo	X	
1280	510	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa tá tràng	X	x
1281	522	Gây mê phẫu thuật cắt u bàng quang đường trên	x	
1282	524	Gây mê phẫu thuật cắt u buồng trứng hoặc bóc u buồng trứng	x	
1283	527	Gây mê phẫu thuật cắt u da lành tính vành tai	x	
1284	528	Gây mê phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	x	x
1285	530	Gây mê phẫu thuật cắt u da mi không ghép	x	
1286	544	Gây mê phẫu thuật cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm	x	x
1287	545	Gây mê phẫu thuật cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)	x	
1288	546	Gây mê PT cắt u lành tính vùng mũi dưới 2cm	x	
1289	547	Gây mê phẫu thuật cắt u lợi hàm	x	
1290	548	Gây mê phẫu thuật cắt u lưỡi	x	
1291	562	Gây mê phẫu thuật cắt u nang bao hoạt dịch	x	x
1292	563	Gây mê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng xoắn	x	x
1293	564	Gây mê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng	x	x
1294	577	Gây mê phẫu thuật cắt u sùi đầu miệng sáo	x	x
1295	582	Gây mê phẫu thuật cắt u thành âm đạo	x	
1296	586	Gây mê phẫu thuật cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung	x	
1297	587	Gây mê PT cắt u trực tràng lâm hậu môn nhân tạo	x	
1298	599	Gây mê phẫu thuật cắt u vú lành tính	x	
1299	600	Gây mê phẫu thuật cắt u vú, vú to nam giới	x	

1300	602	Gây mê phẫu thuật cắt u xơ vùng hàm mật đường kính dưới 3 cm	x	
1301	603	Gây mê phẫu thuật cắt u xương lành	x	x
1302	604	Gây mê PT cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn	x	x
1303	609	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư buồng trứng kèm cắt tử cung toàn bộ và mạc nối lớn.	x	
1304	630	Gây mê phẫu thuật cắt vú trên bệnh nhân K vú	x	
1305	633	Gây mê phẫu thuật chấn thương không sốc hoặc sốc nhẹ	x	x
1306	635	Gây mê phẫu thuật chấn thương sọ não	x	x
1307	649	Gây mê phẫu thuật chỉnh sửa sẹo xấu dương vật	x	
1308	661	Gây mê phẫu thuật cố định kết hợp xương nếp vit gây thân xương cánh tay	x	x
1309	662	Gây mê phẫu thuật cố định mảnh sườn di động	x	
1310	664	Gây mê PT cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	x	x
1311	667	Gây mê phẫu thuật có sốc	x	
1312	668	Gây mê PT cứng khớp vai do xơ hóa cơ Delta	x	
1313	669	Gây mê phẫu thuật đa chấn thương	x	
1314	673	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đáy chậu	x	x
1315	678	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu túi mật	x	x
1316	679	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu viêm mủ khớp, không sai khớp	x	x
1317	723	Gây mê phẫu thuật điều trị hở mí		
1318	726	Gây mê phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay	x	x
1319	727	Gây mê phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ	x	x
1320	728	Gây mê phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	x	x
1321	744	Gây mê phẫu thuật điều trị sa trực tràng đường bụng	x	
1322	745	Gây mê phẫu thuật điều trị sa trực tràng qua đường hậu môn	x	x
1323	757	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên	x	x
1324	758	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	x	x
1325	759	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice	x	x
1326	760	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	x	x
1327	761	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice	x	x
1328	762	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	x	x
1329	764	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị đùi	x	x
1330	768	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	x	x
1331	769	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị vết phẫu thuật thành bụng	x	x
1332	774	Gây mê phẫu thuật điều trị tồn tại ống rốn bằng quang	x	
1333	775	Gây mê phẫu thuật điều trị tồn tại ống rốn ruột	x	
1334	778	Gây mê phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	x	x
1335	782	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng ghép da tự thân	x	x
1336	785	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da lân cận	x	x
1337	786	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da tại chỗ	x	x
1338	787	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngực – bụng qua đường bụng	x	x
1339	788	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần	x	x

1340	791	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	x	x
1341	792	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương tim	x	
1342	793	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương vùng hàm mặt do hoá khí	x	
1343	794	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay	x	x
1344	797	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát	x	x
1345	798	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm tuyến mang tai bằng bơm rửa thuốc qua lỗ ống tuyến	x	x
1346	812	Gây mê phẫu thuật đóng cứng khớp cổ chân (chưa bao gồm phương tiện cố định)	x	x
1347	813	Gây mê phẫu thuật đóng cứng khớp khác	x	x
1348	828	Gây mê phẫu thuật đóng hậu môn nhân tạo	x	
1349	829	Gây mê phẫu thuật đóng lỗ dò đường lệ	x	
1350	830	Gây mê phẫu thuật đóng lỗ mở bàng quang ra da	x	
1351	835	Gây mê phẫu thuật đục chồi xương	x	
1352	838	Gây mê phẫu thuật duỗi khớp gối đơn thuần	x	
1353	840	Gây mê phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu	x	
1354	844	Gây mê phẫu thuật gan- mật	x	
1355	847	Gây mê phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay	x	x
1356	856	Gây mê phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cánh tay	x	x
1357	878	Gây mê phẫu thuật ghép xương tự thân (chưa bao gồm các phương tiện cố định)	x	x
1358	889	Gây mê phẫu thuật hạ tinh hoàn 1 bên	x	x
1359	890	Gây mê phẫu thuật hạ tinh hoàn 2 bên	x	x
1360	891	Gây mê phẫu thuật hạ tinh hoàn lạc chỗ 1 bên	x	x
1361	892	Gây mê phẫu thuật hạch ngoại biên	x	x
1362	894	Gây mê phẫu thuật hẹp khe mi	x	
1363	895	Gây mê phẫu thuật hội chứng ống cổ tay	x	x
1364	897	Gây mê phẫu thuật hội chứng volkmann cơ cơ gấp không kết hợp xương	x	x
1365	899	Gây mê phẫu thuật khâu da thì II	x	x
1366	905	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương (kết hợp xương) chấn thương Lisfranc và bàn chân giữa	x	x
1367	923	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 xương cẳng tay	x	x
1368	924	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay	x	x
1369	925	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương chày	x	x
1370	926	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp vùng khớp gối	x	x
1371	927	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn vùng cổ xương đùi	x	x
1372	928	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy chỏm đốt bàn và ngón tay	x	x
1373	930	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay	x	x
1374	931	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ xương bả vai	x	
1375	932	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ xương đùi	x	x
1376	933	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy dài quay (Gãy cổ x.quay)	x	x

1377	934	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy dài quay phức tạp	x	x
1378	935	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy dài quay	x	x
1379	936	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương chày (Pilon)	x	x
1380	937	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương quay	x	x
1381	938	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ II thân xương cánh tay	x	x
1382	939	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ II trên và liên lồi cầu xương đùi	x	x
1383	940	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ III hai xương cẳng chân	x	x
1384	941	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ III thân xương cánh tay	x	x
1385	942	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ III trên và liên lồi cầu xương đùi	x	x
1386	943	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy hở I thân hai xương cẳng tay	x	x
1387	944	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy hở 2 thân hai x. cẳng tay	x	x
1388	945	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy hở III thân hai x. cẳng tay	x	x
1389	946	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy hở liên lồi cầu xương cánh tay	x	x
1390	947	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy Hoffa đầu dưới xương đùi	x	x
1391	949	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy liên lồi cầu xương cánh tay	x	x
1392	950	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy liên mẫu chuyển xương đùi	x	
1393	951	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	x	x
1394	952	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương đùi	x	x
1395	953	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu trong xương đùi	x	x
1396	954	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu x. bàn và ngón tay	x	x
1397	955	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu xương khớp ngón tay	x	x
1398	956	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày + thân x. chày	x	x
1399	957	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày ngoài	x	x
1400	958	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày trong	x	x
1401	959	Gây mê p.thuật kết hợp xương gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân	x	x
1402	960	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá ngoài	x	x
1403	961	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá trong	x	x
1404	962	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu phức tạp	x	x
1405	963	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu	x	x
1406	964	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy Monteggia	x	x
1407	965	Gây mê P.thuật kết hợp xương gãy nền đốt bàn ngón 5 (bàn chân)	x	x
1408	966	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy nội khớp đầu dưới x. quay	x	x
1409	967	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy nội khớp x. khớp ngón tay	x	x
1410	968	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy ổ cối đơn thuần	x	x
1411	971	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp vùng khuỷu	x	x
1412	972	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy Pilon	x	x
1413	973	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy rỗng rọc xương cánh tay	x	x
1414	974	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy sụn tăng trưởng ở đầu xương	x	x
1415	975	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy thân 2 xương cẳng chân	x	x
1416	976	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy thân 2 xương cẳng tay	x	x
1417	977	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy thân đốt bàn và ngón tay	x	x
1418	978	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cẳng chân	x	x
1419	979	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cánh tay	x	x
1420	982	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương chày	x	x

1421	984	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi	X	X
1422	985	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy trật cổ xương cánh tay	X	X
1423	986	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy trật cổ xương đùi	X	X
1424	987	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy trật đốt bàn ngón chân	X	X
1425	989	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy trật khớp cổ tay	X	X
1426	990	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy trật xương gót	X	X
1427	991	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy trật xương sên	X	X
1428	992	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu xương cánh tay có tổn thương mạch và thần kinh	X	X
1429	993	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu xương cánh tay	X	X
1430	994	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu xương đùi	X	X
1431	996	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bả vai	X	
1432	997	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bánh chè phức tạp	X	X
1433	998	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bệnh lý	X	X
1434	999	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đòn	X	X
1435	1000	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn ngón tay	X	X
1436	1001	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy x. đốt bàn và đốt ngón chân	X	X
1437	1002	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy xương gót	X	X
1438	1003	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy xương mác đơn thuần	X	X
1439	1004	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới	X	X
1440	1005	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương gãy xương sên và trật khớp	X	X
1441	1006	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương khớp giả xương cánh tay	X	X
1442	1007	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương khớp giả xương đòn	X	X
1443	1011	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cổ chân	X	X
1444	1012	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cùng chậu	X	X
1445	1013	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cùng đòn	X	X
1446	1014	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương trật khớp dưới sên	X	X
1447	1015	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương trật khớp Lisfranc	X	X
1448	1016	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương trật khớp ức đòn	X	X
1449	1022	Gây mê phẫu thuật lách hoặc tụy	X	X
1450	1025	Gây mê phẫu thuật lại tắc ruột sau phẫu thuật	X	X
1451	1027	Gây mê phẫu thuật làm hậu môn nhân tạo cấp cứu ở trẻ em	X	
1452	1028	Gây mê phẫu thuật làm hậu môn nhân tạo	X	X
1453	1057	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật trực tràng	X	
1454	1061	Gây mê phẫu thuật lấy giun, dị vật ở ruột non	X	X
1455	1063	Gây mê phẫu thuật lấy hạch cuống gan	X	
1456	1065	Gây mê phẫu thuật lấy mạc nối lớn và mạc nối nhỏ	X	X
1457	1068	Gây mê phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính hai bên	X	X
1458	1072	Gây mê phẫu thuật lấy mỡ mí mắt trên, dưới và tạo hình 2 mí	X	
1459	1075	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi bàng quang	X	X
1460	1076	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi bể thận ngoài xoang	X	
1461	1078	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi mở bể thận trong xoang	X	
1462	1079	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	X	
1463	1080	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi nhu mô thận	X	
1464	1081	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi niệu đạo	X	X
1465	1082	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	X	X

1466	1083	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đơn thuần	X	X
1467	1084	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	X	
1468	1085	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ	X	X
1469	1086	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ, cắt túi mật	X	X
1470	1090	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi san hô thận	X	
1471	1092	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi thận	X	
1472	1094	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi, nối tụy hồng tràng	X	
1473	1095	Gây mê phẫu thuật lấy thai bình thường ở sản phụ không có các bệnh kèm theo	X	X
1474	1107	Gây mê phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng	X	
1475	1108	Gây mê phẫu thuật lấy toàn bộ xương bánh chè	X	X
1476	1109	Gây mê phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch	X	X
1477	1114	Gây mê phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	X	X
1478	1129	Gây mê phẫu thuật mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	X	X
1479	1136	Gây mê phẫu thuật mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật	X	X
1480	1146	Gây mê phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, dẫn lưu đường mật	X	X
1481	1152	Gây mê phẫu thuật mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại...)	X	X
1482	1153	Gây mê phẫu thuật mở thông dạ dày	X	X
1483	1154	Gây mê phẫu thuật mở thông dạ dày, khâu lỗ thủng dạ dày, ruột non đơn thuần	X	
1484	1155	Gây mê phẫu thuật mở thông hồng tràng hoặc Gây mê phẫu thuật mở thông hồi tràng	X	X
1485	1160	Gây mê phẫu thuật mống đơn thuần	X	
1486	1191	Gây mê phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật	X	
1487	1213	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên	X	
1488	1217	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang gan	X	
1489	1218	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận sau phúc mạc	X	
1490	1237	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đoạn ruột non	X	
1491	1238	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt đoạn tá tràng	X	
1492	1267	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung ở bệnh nhân GEU	X	
1493	1268	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt hạch giao cảm	X	
1494	1276	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt lách	X	
1495	1284	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang đường mật	X	
1496	1288	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang thận	X	
1497	1297	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt polyp đại tràng	X	
1498	1298	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng	X	X
1499	1299	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	X	X
1500	1301	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt thận bán phần	X	
1501	1302	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt thận đơn giản	X	
1502	1316	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt tiền liệt tuyến	X	X
1503	1323	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tử cung	X	
1504	1336	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi mật	X	X
1505	1337	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở ống mật chủ lấy sỏi, dẫn lưu Kerh	X	
1506	1338	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa bàng quang	X	

15.2

1507	1339	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa đại tràng	x	
1508	1340	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel	x	
1509	1341	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa tá tràng	x	
1510	1346	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng	x	
1511	1348	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng+ tử cung	x	
1512	1352	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột + cắt đoạn ruột non	x	
1513	1353	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột, không cắt ruột	x	
1514	1372	Gây mê phẫu thuật nội soi chữa ngoài tử cung	x	
1515	1390	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị áp-xe ruột thừa	x	
1516	1394	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị đám quánh ruột thừa	x	
1517	1428	Gây mê phẫu thuật nội soi GEU thể huyết tụ thành nang	x	
1518	1437	Gây mê phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột	x	
1519	1463	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu mạc treo	x	
1520	1469	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày	x	
1521	1472	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng	x	
1522	1473	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non	x	
1523	1475	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng	x	
1524	1479	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày	x	
1525	1482	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non	x	
1526	1484	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng	x	
1527	1500	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản	x	
1528	1501	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy sỏi ống mật chủ có dẫn lưu Kehr	x	
1529	1517	Gây mê phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt túi mật	x	
1530	1519	Gây mê phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi	x	
1531	1520	Gây mê phẫu thuật nội soi mở ruột lấy dị vật	x	
1532	1549	Gây mê phẫu thuật nội soi phục hồi thành bụng	x	
1533	1554	Gây mê phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản	x	
1534	1571	Gây mê phẫu thuật nội soi tạo hình niệu quản	x	
1535	1587	Gây mê phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng	x	
1536	1589	Gây mê phẫu thuật nội soi viêm phần phụ	x	
1537	1590	Gây mê phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa	x	
1538	1603	Gây mê phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa	x	
1539	1608	Gây mê phẫu thuật sa sinh dục	x	
1540	1609	Gây mê phẫu thuật tạo hình âm đạo + tăng sinh môn	x	
1541	1610	Gây mê phẫu thuật tháo lồng ruột	x	
1542	1613	Gây mê phẫu thuật vá da, niêm mạc tạo cùng đồ có hoặc không tách dính mi cầu	x	
1543	1615	Gây mê phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa ở trẻ dưới 6 tuổi	x	
1544	1616	Gây mê phẫu thuật viêm sụn vành tai, dị tật vành tai	x	
1545	1617	Gây mê rút sonde JJ do nơi khác đặt hoặc thay sonde JJ tại khoa	x	x
		C. HỒI SỨC		
1546	1628	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân Basedow	x	
1547	1629	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh tim	x	
1548	1631	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đa chấn thương	x	

152

1549	1632	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đái tháo đường	x	
1550	1633	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân động kinh + tiền sử động kinh	x	
1551	1635	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân hen phế quản	x	
1552	1640	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau bong non	x	
1553	1641	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau cài răng lược	x	
1554	1642	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau tiền đạo ra máu	x	
1555	1643	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân thai chết lưu	x	
1556	1644	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân tiền sản giật nặng	x	
1557	1645	Hồi sức nội soi buồng tử cung can thiệp	x	
1558	1646	Hồi sức nội soi buồng tử cung chẩn đoán	x	
1559	1647	Hồi sức nội soi buồng tử cung, nạo buồng tử cung	x	
1560	1648	Hồi sức nội soi, sinh thiết buồng tử cung	x	
1561	1651	Hồi sức nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gấp sỏi niệu quản	x	
1562	1653	Hồi sức nội soi niệu quản tán sỏi bằng laser	x	
1563	1657	Hồi sức nội soi ổ bụng chẩn đoán	x	
1564	1660	Hồi sức nội soi tán sỏi niệu quản	x	
1565	1664	Hồi sức nội soi thận ống mềm tán sỏi thận	x	
1566	1666	Hồi sức nội soi xé lỗ niệu quản lấy sỏi	x	
1567	1668	Hồi sức phẫu thuật áp xe gan	x	x
1568	1671	Hồi sức phẫu thuật áp xe tồn dư ổ bụng	x	
1569	1679	Hồi sức phẫu thuật bàn chân bẹt, bàn chân lõm	x	
1570	1680	Hồi sức phẫu thuật bàn chân gót và xoay ngoài	x	
1571	1681	Hồi sức phẫu thuật bàn chân khoèo bẩm sinh	x	
1572	1682	Hồi sức phẫu thuật bàn chân thuồng	x	
1573	1685	Hồi sức phẫu thuật bất động ngoài xương chày, xương đùi	x	x
1574	1687	Hồi sức phẫu thuật bệnh nhân chữa ngoài dạ con vỡ	x	x
1575	1688	Hồi sức phẫu thuật bệnh nhân tắc mạch ối	x	
1576	1689	Hồi sức phẫu thuật bệnh nhân viêm phúc mạc ruột thừa	x	x
1577	1695	Hồi sức phẫu thuật bóc nhân xơ tử cung	x	
1578	1696	Hồi sức phẫu thuật bóc nhân xơ vú	x	
1579	1697	Hồi sức phẫu thuật bóc u xơ tiền liệt tuyến	x	
1580	1699	Hồi sức phẫu thuật bong hay đứt dây chằng bên khớp gối	x	
1581	1704	Hồi sức phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	x	x
1582	1705	Hồi sức phẫu thuật bụng cấp cứu do chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	x	x
1583	1706	Hồi sức phẫu thuật bụng lớn ở trẻ em	x	
1584	1707	Hồi sức phẫu thuật bướu cổ	x	x
1585	1708	Hồi sức phẫu thuật bướu tinh hoàn	x	x
1586	1710	Hồi sức phẫu thuật cầm máu lại tuyến giáp	x	x
1587	1725	Hồi sức phẫu thuật cắt 2 tạng trong ổ bụng (tiểu khung) trở lên	x	

152

1588	1727	Hồi sức phẫu thuật cắt âm hộ đơn thuần	x	x
1589	1729	Hồi sức phẫu thuật cắt amidan ở người lớn	x	x
1590	1730	Hồi sức phẫu thuật cắt amidan ở trẻ em	x	x
1591	1731	Hồi sức phẫu thuật cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x	
1592	1732	Hồi sức phẫu thuật cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân	x	
1593	1734	Hồi sức phẫu thuật cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân	x	
1594	1737	Hồi sức phẫu thuật cắt bàng quang	x	
1595	1738	Hồi sức phẫu thuật cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da	x	
1596	1739	Hồi sức phẫu thuật cắt bàng quang, tạo hình bàng quang	x	
1597	1744	Hồi sức phẫu thuật cắt buồng trứng 2 bên	x	
1598	1748	Hồi sức phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	x	x
1599	1755	Hồi sức phẫu thuật cắt chòm nang gan	x	
1600	1756	Hồi sức phẫu thuật cắt cổ bàng quang	x	
1601	1757	Hồi sức phẫu thuật cắt cơ Muller có hoặc không cắt cân cơ nâng mí điều trị hở mí	x	
1602	1759	Hồi sức phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường âm đạo	x	
1603	1760	Hồi sức phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường bụng, đường âm đạo	x	
1604	1761	Hồi sức phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường bụng	x	
1605	1764	Hồi sức phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay	x	x
1606	1765	Hồi sức phẫu thuật cắt cụt chi	x	x
1607	1766	Hồi sức phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	x	x
1608	1772	Hồi sức phẫu thuật cắt đoạn chi	x	x
1609	1773	Hồi sức phẫu thuật cắt đường dò dưới da-dưới màng tuỷ	x	x
1610	1781	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bong sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x
1611	1782	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bong sâu từ 5% - 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x
1612	1785	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bong sâu từ 1% - 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x
1613	1786	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bong sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x
1614	1787	Hồi sức phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm	x	x
1615	1788	Hồi sức phẫu thuật cắt khối u da lành tính mí mắt	x	x
1616	1789	Hồi sức phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm	x	x
1617	1790	Hồi sức phẫu thuật cắt khối u khẩu cái	x	
1618	1791	Hồi sức phẫu thuật cắt lách bán phần	x	
1619	1792	Hồi sức phẫu thuật cắt lách bệnh lý	x	
1620	1793	Hồi sức phẫu thuật cắt lách do chấn thương	x	x
1621	1795	Hồi sức phẫu thuật cắt lại dạ dày	x	
1622	1796	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân từ 1% - 3% diện tích cơ thể	x	x

182

1623	1797	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể	X	X
1624	1798	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể	X	X
1625	1799	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay	X	X
1626	1801	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc vết thương gây xương hở, nằm chính và cố định tạm thời	X	X
1627	1802	Hồi sức phẫu thuật cắt lõi xương	X	
1628	1803	Hồi sức phẫu thuật cắt mạc nối lớn	X	X
1629	1804	Hồi sức phẫu thuật cắt mạc nối lớn, phúc mạc	X	X
1630	1805	Hồi sức phẫu thuật cắt màng ngăn tá tràng	X	X
1631	1809	Hồi sức phẫu thuật cắt mào tinh	X	
1632	1810	Hồi sức phẫu thuật cắt môm thừa trực tràng	X	
1633	1813	Hồi sức phẫu thuật cắt một nửa bàng quang và túi thừa bàng quang	X	
1634	1814	Hồi sức phẫu thuật cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)	X	
1635	1816	Hồi sức phẫu thuật cắt một phần tụy	X	
1636	1822	Hồi sức phẫu thuật cắt nang ống mật chủ	X	
1637	1824	Hồi sức phẫu thuật cắt nang tụy	X	
1638	1827	Hồi sức phẫu thuật cắt nhiều đoạn ruột non	X	
1639	1839	Hồi sức phẫu thuật cắt phân thủy gan, thủy gan	X	
1640	1841	Hồi sức phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung	X	
1641	1845	Hồi sức phẫu thuật cắt rộng tổ chức áp xe vú	X	X
1642	1846	Hồi sức phẫu thuật cắt rộng u niệu đạo	X	
1643	1847	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột non hình chêm	X	X
1644	1848	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa đơn thuần	X	X
1645	1849	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa viêm cấp ở trẻ dưới 6 tuổi	X	
1646	1850	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ áp xe	X	X
1647	1851	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	X	X
1648	1852	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột trong lòng ruột có cắt đại tràng	X	
1649	1853	Hồi sức phẫu thuật cắt tá tràng bảo tồn đầu tụy	X	X
1650	1854	Hồi sức phẫu thuật cắt thận	X	
1651	1855	Hồi sức phẫu thuật cắt thận bán phần	X	
1652	1856	Hồi sức phẫu thuật cắt thận đơn thuần	X	
1653	1863	Hồi sức phẫu thuật cắt thân và đuôi tụy	X	
1654	1879	Hồi sức phẫu thuật cắt thủy gan trái	X	
1655	1883	Hồi sức phẫu thuật cắt thủy tuyến giáp	X	
1656	1884	Hồi sức phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ	X	X
1657	1885	Hồi sức phẫu thuật cắt tinh hoàn	X	X
1658	1896	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ mạc treo trực tràng	X	X
1659	1897	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ ruột non	X	X
1660	1912	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + phần phụ + mạc nối lớn	X	X
1661	1914	Hồi sức PT cắt tử cung buồng trứng, phần phụ	X	X
1662	1919	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì u xơ tử cung	X	X
1663	1921	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung	X	X
1664	1923	Hồi sức phẫu thuật cắt túi mật	X	X
1665	1925	Hồi sức phẫu thuật cắt túi thừa đại tràng	X	X
1666	1926	Hồi sức phẫu thuật cắt túi thừa Meckel	X	X
1667	1927	Hồi sức phẫu thuật cắt túi thừa niệu đạo	X	

12/5/2

1668	1928	Hồi sức phẫu thuật cắt túi thừa tá tràng	x	x
1669	1940	Hồi sức phẫu thuật cắt u bàng quang đường trên	x	
1670	1941	Hồi sức phẫu thuật cắt u biểu bì	x	
1671	1942	Hồi sức PT cắt u buồng trứng hoặc bóc u buồng trứng	x	
1672	1962	Hồi sức PT cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm	x	x
1673	1963	Hồi sức PT cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)	x	
1674	1967	Hồi sức phẫu thuật cắt u mạc nối lớn	x	
1675	1968	Hồi sức phẫu thuật cắt u mạc treo ruột	x	x
1676	1976	Hồi sức phẫu thuật cắt u mi cả bề dày không vá	x	
1677	1978	Hồi sức phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm	x	x
1678	1981	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang buồng trứng xoắn	x	x
1679	1984	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang giáp trạng	x	
1680	2005	Hồi sức phẫu thuật cắt u trực tràng làm hậu môn nhân tạo	x	
1681	2048	Hồi sức phẫu thuật cắt vú trên bệnh nhân K vú	x	
1682	2051	Hồi sức phẫu thuật chấn thương không sóc hoặc sóc nhẹ	x	x
1683	2071	Hồi sức phẫu thuật chữa ngoài dạ con vỡ	x	x
1684	2079	Hồi sức phẫu thuật cố định kết hợp xương nẹp vít gãy thân xương cánh tay	x	x
1685	2080	Hồi sức phẫu thuật cố định màng sườn di động	x	
1686	2085	Hồi sức phẫu thuật có sóc	x	
1687	2086	Hồi sức phẫu thuật cứng khớp vai do xơ hóa cơ Delta	x	
1688	2087	Hồi sức phẫu thuật đa chấn thương	x	
1689	2095	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu thận	x	
1690	2097	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu viêm mũ khớp, không sai khớp	x	x
1691	2146	Hồi sức phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	x	x
1692	2192	Hồi sức phẫu thuật điều trị tổn tại ống rốn bàng quang	x	
1693	2193	Hồi sức phẫu thuật điều trị tổn tại ống rốn ruột	x	
1694	2196	Hồi sức phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	x	x
1695	2200	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng ghép da tự thân	x	x
1696	2203	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da lân cận	x	x
1697	2204	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da tại chỗ	x	x
1698	2205	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngực – bụng qua đường bụng	x	x
1699	2206	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần	x	x
1700	2215	Hồi sức phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát	x	x
1701	2230	Hồi sức phẫu thuật đóng cứng khớp cổ chân (chưa bao gồm phương tiện cố định)	x	x
1702	2246	Hồi sức phẫu thuật đóng hậu môn nhân tạo	x	
1703	2247	Hồi sức phẫu thuật đóng lỗ dò đường lệ	x	
1704	2248	Hồi sức phẫu thuật đóng lỗ mở bàng quang ra da	x	
1705	2262	Hồi sức phẫu thuật gan- mật	x	
1706	2274	Hồi sức phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cánh tay	x	x
1707	2296	Hồi sức phẫu thuật ghép xương tự thân (chưa bao gồm các phương tiện cố định)	x	x
1708	2317	Hồi sức phẫu thuật khâu da thì II	x	x
1709	2341	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 xương cẳng tay	x	x

11/5/2

1710	2348	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay	x	x
1711	2350	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ xương đùi	x	x
1712	2353	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy dài quay	x	x
1713	2354	Hồi sức PT kết hợp xương gãy đầu dưới xương chày (Pilon)	x	x
1714	2355	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương quay	x	x
1715	2356	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy hờ độ II thân xương cánh tay	x	x
1716	2357	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy hờ độ II trên và liên lồi cầu xương đùi	x	x
1717	2358	Hồi sức PT kết hợp xương gãy hờ độ III hai xương cẳng chân	x	x
1718	2359	Hồi sức PT kết hợp xương gãy hờ độ III thân xương cánh tay	x	x
1719	2360	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy hờ độ III trên và liên lồi cầu xương đùi	x	x
1720	2361	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy hờ I thân hai xương cẳng tay	x	x
1721	2362	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy hờ II thân hai xương cẳng tay	x	x
1722	2363	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy hờ III thân hai x.cẳng tay	x	x
1723	2364	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy hờ liên lồi cầu xương cánh tay	x	x
1724	2365	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy Hoffa đầu dưới xương đùi	x	x
1725	2367	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy liên lồi cầu xương cánh tay	x	x
1726	2368	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy liên mấu chuyển xương đùi	x	
1727	2369	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	x	x
1728	2370	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương đùi	x	x
1729	2371	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu trong xương đùi	x	x
1730	2374	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày + thân xương chày	x	x
1731	2375	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày ngoài	x	x
1732	2376	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày trong	x	x
1733	2377	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân	x	x
1734	2378	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá ngoài	x	x
1735	2379	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá trong	x	x
1736	2380	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu phức tạp	x	x
1737	2381	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu	x	x
1738	2382	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy Monteggia	x	x
1739	2383	Hồi sức p.thuật kết hợp xương gãy nền đốt bàn ngón 5 (bàn chân)	x	x
1740	2403	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy trật cổ xương cánh tay	x	x
1741	2404	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy trật cổ xương đùi	x	x
1742	2405	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy trật đốt bàn ngón chân	x	x
1743	2406	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy trật khớp cổ chân ở trẻ em	x	x
1744	2407	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy trật khớp cổ tay	x	x
1745	2408	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy trật xương gót	x	x
1746	2409	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy trật xương sên	x	x
1747	2414	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bả vai	x	
1748	2415	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bánh chè phức tạp	x	x
1749	2416	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bệnh lý	x	x
1750	2417	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đòn	x	x
1751	2418	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn ngón tay	x	x
1752	2419	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy x.đốt bàn và đốt ngón chân	x	x

1753	2420	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy xương gót	X	X
1754	2421	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy xương mác đơn thuần	X	X
1755	2423	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương gãy xương sên và trật khớp	X	X
1756	2424	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương khớp giả xương cánh tay	X	X
1757	2425	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương khớp giả xương đòn	X	X
1758	2426	Hồi sức phẫu thuật kết hợp xương tạo hình điều trị cứng sau chấn thương	X	
1759	2443	Hồi sức phẫu thuật lại tắc ruột sau phẫu thuật	X	X
1760	2446	Hồi sức phẫu thuật làm hậu môn nhân tạo	X	X
1761	2486	Hồi sức phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính hai bên	X	X
1762	2490	Hồi sức phẫu thuật lấy mỡ mí mắt trên, dưới và tạo hình 2 mí	X	
1763	2493	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi bàng quang	X	X
1764	2494	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi bể thận ngoài xoang	X	
1765	2496	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi mở bể thận trong xoang	X	
1766	2498	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi nhu mô thận	X	
1767	2499	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi niệu đạo	X	X
		D. GÂY TÊ		
1768	3045	Gây tê các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ	X	X
1769	3047	Gây tê nội soi buồng tử cung can thiệp	X	
1770	3048	Gây tê nội soi buồng tử cung chẩn đoán	X	
1771	3049	Gây tê nội soi buồng tử cung, nạo buồng tử cung	X	
1772	3050	Gây tê nội soi buồng tử cung, sinh thiết buồng tử cung	X	
1773	3052	Gây tê nội soi mở rộng niệu quản, nong rộng niệu quản	X	
1774	3053	Gây tê nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gấp sỏi niệu quản	X	
1775	3054	Gây tê nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser	X	
1776	3055	Gây tê nội soi niệu quản tán sỏi bằng laser	X	
1777	3058	Gây tê nội soi nong niệu quản hẹp	X	
1778	3059	Gây tê nội soi ổ bụng chẩn đoán	X	
1779	3062	Gây tê nội soi tán sỏi niệu quản	X	
1780	3063	Gây tê nội soi tán sỏi niệu quản ngược dòng	X	
1781	3066	Gây tê nội soi thận ống mềm tán sỏi thận	X	
1782	3070	Gây tê phẫu thuật áp xe gan	X	X
1783	3073	Gây tê phẫu thuật áp xe tồn dư ổ bụng	X	
1784	3098	Gây tê phẫu thuật bóc nhân xơ vú	X	
1785	3099	Gây tê phẫu thuật bóc u xơ tiền liệt tuyến	X	
1786	3101	Gây tê PT bong hay đứt dây chằng bên khớp gối	X	
1787	3106	Gây tê phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	X	X
1788	3109	Gây tê phẫu thuật bướu cổ	X	X
1789	3110	Gây tê phẫu thuật bướu tinh hoàn	X	X
1790	3112	Gây tê phẫu thuật cầm máu lại tuyến giáp	X	X
1791	3129	Gây tê phẫu thuật cắt âm hộ đơn thuần	X	X
1792	3142	Gây tê phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài	X	X
1793	3143	Gây tê PT cắt bè cùng giác mạc (Trabeculectomy)	X	
1794	3146	Gây tê phẫu thuật cắt buồng trứng 2 bên	X	

11607

1795	3150	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	x	x
1796	3153	Gây tê phẫu thuật cắt chắp có bọc	x	x
1797	3168	Gây tê phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	x	x
1798	3177	Gây tê phẫu thuật cắt đường rò môi dưới	x	
1799	3183	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bóng sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x
1800	3184	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bóng sâu từ 5% = 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x
1801	3185	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x
1802	3186	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x
1803	3187	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu từ 1% - 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x
1804	3188	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x
1805	3189	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm	x	x
1806	3190	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính mi mắt	x	x
1807	3191	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm	x	x
1808	3198	Gây tê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân từ 1 - 3% diện tích cơ thể	x	x
1809	3199	Gây tê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể	x	x
1810	3200	Gây tê PT cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể	x	x
1811	3201	Gây tê phẫu thuật cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay	x	x
1812	3204	Gây tê phẫu thuật cắt lõi xương	x	
1813	3216	Gây tê phẫu thuật cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)	x	
1814	3219	Gây tê phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm dưới	x	
1815	3220	Gây tê phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên có can thiệp xoang	x	
1816	3221	Gây tê phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên	x	
1817	3222	Gây tê phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm dưới	x	
1818	3223	Gây tê PT cắt nang không do răng xương hàm trên	x	
1819	3233	Gây tê phẫu thuật cắt nối niệu quản	x	
1820	3243	Gây tê phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung	x	
1821	3247	Gây tê phẫu thuật cắt rộng tổ chức áp xe vú	x	x
1822	3248	Gây tê phẫu thuật cắt rộng u niệu đạo	x	
1823	3250	Gây tê phẫu thuật cắt ruột thừa đơn thuần	x	x
1824	3251	Gây tê PT cắt ruột thừa viêm cấp ở trẻ dưới 6 tuổi	x	
1825	3256	Gây tê phẫu thuật cắt thận	x	
1826	3270	Gây tê phẫu thuật cắt thừa ngón đơn thuần	x	x
1827	3286	Gây tê phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ	X	x
1828	3287	Gây tê phẫu thuật cắt tinh hoàn	x	x
1829	3323	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung	x	x
1830	3324	Gây tê phẫu thuật cắt túi lệ	x	
1831	3326	Gây tê phẫu thuật cắt túi sa niệu quản	x	
1832	3350	Gây tê phẫu thuật cắt u da mi không ghép	x	
1833	3364	Gây tê phẫu thuật cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm	x	x
1834	3382	Gây tê phẫu thuật cắt u nang bao hoạt dịch	x	x

11801

1835	3482	Gây tê phẫu thuật cố định mảng sườn di động	X	
1836	3488	Gây tê phẫu thuật cứng khớp vai do xơ hóa cơ Delta	X	
1837	3497	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu thận	X	
1838	3578	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	X	X
1839	3579	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice	X	X
1840	3580	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	X	X
1841	3581	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice	X	X
1842	3582	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	X	X
1843	3584	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị đùi	X	X
1844	3588	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	X	X
1845	3589	Gây tê PT điều trị thoát vị vết phẫu thuật thành bụng	X	X
1846	3598	Gây tê phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	X	X
1847	3602	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng ghép da tự thân	X	X
1848	3655	Gây tê phẫu thuật đục chồi xương	X	
1849	3656	Gây tê phẫu thuật đục xương sửa trục	X	
1850	3660	Gây tê phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu	X	
1851	3676	Gây tê phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cánh tay	X	X
1852	3698	Gây tê phẫu thuật ghép xương tự thân (chưa bao gồm các phương tiện cố định)	X	X
1853	3707	Gây tê phẫu thuật hạ lại tinh hoàn	X	
1854	3709	Gây tê phẫu thuật hạ tinh hoàn 1 bên	X	X
1855	3710	Gây tê phẫu thuật hạ tinh hoàn 2 bên	X	X
1856	3715	Gây tê phẫu thuật hội chứng ống cổ tay	X	X
1857	3719	Gây tê phẫu thuật khâu da thì II	X	X
1858	3743	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 xương cẳng tay	X	X
1859	3749	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ chân		
1860	3750	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay	X	X
1861	3752	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ xương đùi	X	X
1862	3755	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương gãy dài quay	X	X
1863	3756	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương chày	X	X
1864	3757	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương quay	X	X
1865	3758	Gây tê PT kết hợp xương gãy hở độ II thân xương cánh tay	X	X
1866	3759	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ II trên và liên lồi cầu xương đùi	X	X
1867	3760	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ III hai x.cẳng chân	X	X
1868	3761	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ III thân x.cánh tay	X	X
1869	3762	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ III trên và liên lồi cầu xương đùi	X	X
1870	3763	Gây tê PT kết hợp xương gãy hở I thân hai xương cẳng tay	X	X
1871	3764	Gây tê PT kết hợp xương gãy hở II thân hai xương cẳng tay	X	X
1872	3765	Gây tê PT kết hợp xương gãy hở III thân 2 xương cẳng tay	X	X
1873	3771	Gây tê PT kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	X	X
1874	3772	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương đùi	X	X
1875	3773	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu trong xương đùi	X	X

1876	3776	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày + thân x.chày	X	X
1877	3780	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá ngoài	X	X
1878	3781	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá trong	X	X
1879	3783	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu	X	X
1880	3795	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương gãy thân 2 xương cẳng chân	X	X
1881	3796	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương gãy thân 2 xương cẳng tay	X	X
1882	3797	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương gãy thân đốt bàn và ngón tay	X	X
1883	3804	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi	X	X
1884	3814	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lõi cầu xương đùi	X	X
1885	3815	Gây tê PT kết hợp xương gãy trên và liên lõi cầu xương đùi	X	X
1886	3817	Gây tê PT kết hợp xương gãy xương bánh chè phức tạp	X	X
1887	3818	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bệnh lý	X	X
1888	3819	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đòn	X	X
1889	3820	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn ngón tay	X	X
1890	3821	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân	X	X
1891	3826	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương khớp giả xương cánh tay	X	X
1892	3827	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương khớp giả xương đòn	X	X
1893	3830	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương toác khớp mu (trật khớp)	X	
1894	3831	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cổ chân	X	X
1895	3832	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cùng chậu	X	X
1896	3833	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cùng đòn	X	X
1897	3834	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương trật khớp dưới sên	X	X
1898	3835	Gây tê phẫu thuật kết hợp xương trật khớp Lisfranc	X	X
1899	3864	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân Basedow	X	
1900	3865	Gây tê PT lấy thai trên bệnh nhân có bệnh tim	X	
1901	3867	Gây tê PT lấy thai trên bệnh nhân đái tháo đường	X	
1902	3868	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân động kinh + tiền sử động kinh	X	
1903	3874	Gây tê PT lấy thai trên bệnh nhân rau bong non	X	
1904	3875	Gây tê PT lấy thai trên bệnh nhân rau cài răng lược	X	
1905	3878	Gây tê PT lấy thai trên BN rau tiền đạo ra máu	X	
1906	3879	Gây tê PT lấy thai trên bệnh nhân tiền sản giật nặng	X	
1907	3882	Gây tê phẫu thuật lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi	X	
1908	3883	Gây tê phẫu thuật lấy thai bình thường ở sản phụ không có các bệnh kèm theo	X	X
1909	3912	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi bàng quang	X	X
1910	3918	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi niệu đạo	X	X
1911	3919	Gây tê PT lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	X	X
1912	3920	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đơn thuần	X	X
1913	3929	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi thận	X	
1914	4134	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng	X	X
1915	4135	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	X	X
1916	4152	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt tiền liệt tuyến	X	
1917	4174	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa bàng quang	X	
1918	4176	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel	X	

1919	4423	Gây tê phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng	X	
1920	4425	Gây tê phẫu thuật nội soi viêm phần phụ	X	
1921	4439	Gây tê phẫu thuật nông niệu đạo	X	
1922	4444	Gây tê phẫu thuật sa sinh dục	X	
1923	4445	Gây tê phẫu thuật tạo hình âm đạo + tăng sinh môn	X	
1924	4447	Gây tê phẫu thuật ứ máu kinh	X	
1925	4448	Gây tê phẫu thuật vá da tạo hình mí	X	
1926	4449	Gây tê phẫu thuật vá da, niêm mạc tạo cùng đồ có hoặc không tách dính mí cầu	X	
1927	4452	Gây tê phẫu thuật viêm sụn vành tai, dị tật vành tai	X	
1928	4453	Gây tê rút sonde JJ do nơi khác đặt hoặc thay sonde JJ tại khoa	X	X
1929	4454	Gây tê tán sỏi qua da bằng laser	X	
1930	4457	Gây tê tán sỏi thận qua da	X	
		Đ. AN THẦN		
1931	4460	An thần BN khi chụp hình ở khoa chẩn đoán H.ảnh	X	X
1932	4461	An thần bệnh nhân nhổ răng	X	
1933	4462	An thần bệnh nhân nội soi đường mật	X	
1934	4463	An thần bệnh nhân nội soi đường tiêu hóa	X	
1935	4464	An thần bệnh nhân nội soi khí phế quản	X	X
1936	4465	An thần bệnh nhân phải nắn xương	X	X
1937	4470	An thần nội soi buồng tử cung can thiệp	X	
1938	4471	An thần nội soi buồng tử cung chẩn đoán	X	
1939	4472	An thần nội soi buồng tử cung nạo buồng tử cung	X	
1940	4473	An thần NS buồng tử cung sinh thiết buồng tử cung	X	
1941	4475	An thần nội soi gấp dị vật đường thở	X	
1942	4761	An thần sau phẫu thuật chấn thương sọ não	X	
		XX. NGOẠI KHOA		
		A. THẦN KINH - SỌ NÃO		
		1. Sọ não		
1943	1	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp	X	
		16. Thần kinh ngoại biên		
1944	149	Phẫu thuật giải phóng chèn ép thần kinh ngoại biên	X	
1945	151	Phẫu thuật u thần kinh trên da	X	X
		B. TIM MẠCH - LỒNG NGỰC		
		1. Cấp cứu chấn thương- vết thương ngực		
1946	164	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản	X	X
		6. Lồng ngực		
1947	278	Phẫu thuật cắt u thành ngực	X	X
		C. TIẾT NIỆU-SINH DỤC		
		1. Thận		
1948	304	Cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)	X	
1949	305	Phẫu thuật treo thận	X	
1950	317	Dẫn lưu bể thận tối thiểu	X	
1951	319	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	X	X
1952	320	Tạo hình khúc nối bể thận – niệu quản (Phương pháp Foley, Anderson – Hynes)	X	
1953	321	Cắt u tuyến thượng thận (mổ mở)	X	

1954	322	Cắt thận rộng rãi + nạo vét hạch	X	
		2. Niệu quản		
1955	323	Nối niệu quản - dài thận	X	
1956	324	Cắt nối niệu quản	X	
		3. Bàng quang		
1957	342	Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang	X	
1958	352	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang	X	
1959	359	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần	X	X
1960	360	Cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang	X	
		4. Niệu đạo		
1961	375	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường sau xương mu	X	
1962	376	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường bàng quang	X	
1963	378	Dẫn lưu bàng quang, đặt Tuteur niệu đạo	X	
		5. Sinh dục		
1964	386	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ	X	
1965	394	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ	X	
1966	395	Cắt tinh mạc	X	
1967	396	Cắt mào tinh	X	
1968	397	Cắt thể Morgani xoắn	X	
1969	398	Phẫu thuật tái tạo miệng sáo do hẹp miệng sáo	X	
1970	400	Thắt tĩnh mạch tinh trên bụng	X	
1971	406	Cắt bỏ tinh hoàn	X	X
1972	407	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	X	X
1973	408	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn	X	X
1974	410	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài	X	X
		D. TIÊU HÓA		
		2. Dạ dày		
1975	452	Mở bụng thăm dò, sinh thiết	X	X
1976	453	Nội vị tràng	X	X
1977	454	Cắt dạ dày hình chêm	X	X
1978	456	Cắt đoạn dạ dày và mạc nối lớn	X	
1979	459	Nạo vét hạch D1	X	
1980	460	Nạo vét hạch D2	X	
1981	463	Khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng	X	X
1982	464	Phẫu thuật Newmann	X	X
1983	465	Khâu cầm máu ổ loét dạ dày	X	
1984	470	Tạo hình môn vị	X	
1985	471	Mở dạ dày xử lý tổn thương	X	
1986	472	Các phẫu thuật dạ dày khác	X	
		4. Ruột non- Mạc treo		
1988	479	Mở thông hồng tràng hoặc mở thông hồi tràng	X	X
1989	484	Đẩy bã thức ăn xuống đại tràng	X	X
1990	485	Mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại,...)	X	X
1991	487	Cắt đoạn ruột non, lập lại lưu thông	X	
1992	488	Cắt đoạn ruột non, đưa hai đầu ruột ra ngoài	X	X
1993	489	Cắt đoạn ruột non, nối tận bên, đưa 1 đầu ra ngoài (Quénue)	X	
1994	490	Cắt nhiều đoạn ruột non	X	X

1995	491	Gỡ dính sau mổ lại	X	X
1996	492	Phẫu thuật điều trị apxe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng	X	X
1997	493	Đóng mở thông ruột non	X	X
1998	494	Nối tắt ruột non - đại tràng hoặc trực tràng	X	X
1999	495	Nối tắt ruột non - ruột non	X	X
2000	496	Cắt mạc nối lớn	X	X
2001	497	Cắt bỏ u mạc nối lớn	X	X
2002	498	Cắt u mạc treo ruột	X	X
		5. Ruột thừa- Đại tràng		
2003	510	Các phẫu thuật ruột thừa khác	X	
2004	511	Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng	X	X
2005	516	Cắt đoạn đại tràng, đóng đầu dưới, đưa đầu trên ra ngoài ổ bụng kiểu Hartmann	X	
2006	517	Cắt manh tràng và đoạn cuối hồi tràng	X	
2007	518	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái nối ngay	X	
2008	519	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái, đưa 2 đầu ruột ra ngoài	X	
2009	520	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái, đóng đầu dưới, đưa đầu trên ra ngoài kiểu Hartmann	X	
		6. Trực tràng		
2010	527	Cắt đoạn trực tràng nối ngay	X	
2011	528	Cắt đoạn trực tràng, đóng đầu dưới đưa đầu trên ra ngoài kiểu Hartmann	X	
		7. Tầng sinh môn		
2012	552	Phẫu thuật Longo	X	
2013	553	Phẫu thuật Longo kết hợp với khâu treo trĩ	X	
2014	559	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn cắt cơ thắt trên chỉ chờ	X	
2015	560	Phẫu thuật điều trị bệnh Verneuil	X	
2016	561	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong (vị trí 3 giờ và 9 giờ)	X	X
2017	562	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong vị trí 6 giờ, tạo hình hậu môn	X	
2018	563	Điều trị hẹp hậu môn bằng cắt vòng xơ, tạo hình hậu môn	X	
2019	573	Các phẫu thuật hậu môn khác	X	X
		Đ. GAN - MẬT - TỤY		
		1. Gan		
2020	608	Cầm máu nhu mô gan	X	X
2021	609	Chèn gạc nhu mô gan cầm máu	X	X
2022	610	Lấy máu tụ bao gan	X	
		2. Mật		
2023	620	Mở thông túi mật	X	X
2024	621	Cắt túi mật	X	X
2025	624	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, nội soi đường mật	X	
2026	625	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, nội soi tán sỏi đường mật	X	
2027	629	Mở nhu mô gan lấy sỏi	X	
2028	631	Các phẫu thuật lấy sỏi mật khác	X	
2029	637	Cắt nang ống mật chủ	X	
2030	638	Mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật	X	
2031	639	Các phẫu thuật đường mật khác	X	

		3. Tụy		
2032	641	Dẫn lưu nang tụy	X	X
2033	642	Nối nang tụy với tá tràng	X	
2034	643	Nối nang tụy với dạ dày	X	X
2035	644	Nối nang tụy với hồng tràng	X	X
2036	645	Cắt bỏ nang tụy	X	
2037	674	Cắt lách bệnh lý	X	
2038	676	Khâu vết thương lách	X	X
2039	677	Bảo tồn lách vỡ bằng lưới sinh học	X	
2040	678	Các phẫu thuật lách khác	X	
		E. THÀNH BỤNG - CƠ HOÀNH - PHÚC MẠC		
		1. Thành bụng - cơ hoành		
2041	679	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	X	X
2042	680	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice	X	X
2043	681	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice	X	X
2044	683	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	X	
2045	684	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên	X	X
2046	688	Phẫu thuật rò, nang ống rốn tràng, niệu rốn	X	X
2047	689	Phẫu thuật khâu lỗ thủng cơ hoành do vết thương	X	X
2048	690	Phẫu thuật khâu vỡ cơ hoành	X	X
2049	691	Phẫu thuật điều trị thoát vị cơ hoành	X	
2050	692	Phẫu thuật điều trị thoát vị khe hoành	X	
2051	700	Các phẫu thuật thành bụng khác	X	
		2. Phúc mạc		
2052	702	Bóc phúc mạc douglas	X	
2053	703	Lấy mạc nối lớn và mạc nối nhỏ	X	
2054	704	Bóc phúc mạc bên trái	X	
2055	705	Bóc phúc mạc bên phải	X	
2056	706	Bóc phúc mạc phủ tạng	X	
2057	707	Bóc phúc mạc kèm cắt các tạng khác	X	
		G. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH		
		1. Vùng vai-xương đòn		
2058	717	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bả vai	X	
2056	718	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ xương bả vai	X	
2054	719	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đòn	X	X
2052	720	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cùng đòn	X	
2050	721	Phẫu thuật kết hợp xương khớp giả xương đòn	X	
2048	722	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp ức đòn	X	
		2. Vùng cánh tay		
2049	727	Phẫu thuật kết hợp xương khớp giả xương cánh tay	X	
2050	728	Phẫu thuật kết hợp xương phẫu thuật tạo hình điều trị cứng sau chấn thương	X	
2051	729	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cánh tay phức tạp	X	
2052	730	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu xương cánh tay	X	
2053	732	Phẫu thuật kết hợp xương gãy rỗng rọc xương cánh tay	X	
2054	733	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	X	



		3. Vùng cẳng tay		
2055	734	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu	X	X
2056	735	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu phức tạp	X	
2057	736	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Monteggia	X	
2058	737	Phẫu thuật kết hợp xương gãy dài quay	X	
2059	738	Phẫu thuật kết hợp xương gãy dài quay phức tạp	X	
2060	739	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân 2 xương cẳng tay	X	
2061	740	Phẫu thuật kết hợp xương gãy x. quay kèm trật khớp quay trụ dưới	X	
2062	741	Phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp khớp khuỷu	X	
2063	742	Phẫu thuật tạo hình cứng khớp cổ tay sau chấn thương	X	
2064	743	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới quơng quay	X	
		4. Vùng bàn tay		
2065	749	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay	X	
2066	750	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay	X	
2067	751	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn – cổ tay	X	
		6. Vùng đùi		
2068	759	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bán phần chỏm xương đùi	X	
2069	761	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ xương đùi	X	
2070	762	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ máu chuyển xương đùi	X	
2071	763	Phẫu thuật kết hợp xương gãy liên máu chuyển xương đùi	X	
2072	764	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật cổ xương đùi	X	
2073	765	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi	X	
2074	766	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu xương đùi	X	
2075	767	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương đùi	X	
2076	768	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu trong xương đùi	X	
2077	769	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên và liên lồi cầu xương đùi	X	
2078	770	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi phức tạp	X	
		7. Khớp gối		
2079	772	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bánh chè	X	
2080	773	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bánh chè phức tạp	X	
		8. Vùng cẳng chân		
2081	775	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày trong	X	
2082	776	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày ngoài	X	
2083	778	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày + thân xương chày	X	
2084	779	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương chày	X	
2085	780	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân 2 xương cẳng chân	X	
2086	781	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương mác đơn thuần	X	
2087	784	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá trong	X	
2088	785	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá ngoài	X	
2089	786	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân	X	
		10. Gãy xương hở		
2090	793	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ I hai xương cẳng chân	X	
2091	794	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ II hai xương cẳng chân	X	
2092	795	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ III hai xương cẳng chân	X	
2093	798	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở I thân hai xương cẳng tay	X	
2094	799	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở II thân hai xương cẳng tay	X	
2095	800	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở III thân hai xương cẳng tay	X	

20

2096	801	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ I thân xương cánh tay	X	
2097	802	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ II thân xương cánh tay	X	
2098	803	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ III thân xương cánh tay	X	
2099	805	Cố định ngoại vi trong điều trị gãy hở chi trên	X	
2100	806	Cố định ngoại vi trong điều trị gãy hở chi dưới	X	
		11. Tổn thương phần mềm		
2101	810	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi	X	
2102	811	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp	X	
		12. Vùng cổ tay-bàn tay		
2103	815	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn ngón tay	X	
2104	816	Phẫu thuật kết hợp xương gãy nội khớp xương khớp ngón tay	X	
2105	817	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lõi cầu xương khớp ngón tay	X	
2106	819	Phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay	X	
2107	820	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương quay	X	
2108	821	Phẫu thuật kết hợp xương gãy nội khớp đầu dưới xương quay	X	
2109	823	Phẫu thuật và điều trị trật khớp quay trụ dưới	X	
2110	826	Phẫu thuật tái tạo dây chằng bên của ngón 1 bàn tay	X	
2111	828	Phẫu thuật chỉnh trục Cal lệch đầu dưới xương quay	X	
2112	840	Khâu tổn thương gân gấp bàn tay ở vùng II	X	
2113	841	Tái tạo phục hồi tổn thương gân gấp 2 thì		
2114	842	Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi	X	
2115	843	Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng	X	
2116	845	Phẫu thuật làm cứng khớp quay Trụ dưới	X	
2117	846	Phẫu thuật làm cứng khớp cổ tay	X	
2118	847	PT điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay	X	
		13. Vùng cổ chân-bàn chân		
2119	865	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ chân	X	
2120	866	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Pilon	X	
2121	870	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân	X	
2122	871	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cổ chân	X	
2123	874	Cắt chân thương cổ và bàn chân	X	
2124	875	Phẫu thuật tổn thương gân chày trước	X	
2125	876	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I	X	
2126	877	Phẫu thuật tổn thương gân Achille	X	
2127	878	Phẫu thuật tổn thương gân cơ mác bên	X	
2128	879	Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I	X	
2129	880	Phẫu thuật tổn thương gân cơ chày sau	X	
		14. Chấn thương thể thao và chỉnh hình		
2130	882	Phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu	X	
2131	883	Phẫu thuật điều trị gân bánh chè	X	
2132	884	Phẫu thuật điều trị đứt gân cơ nhị đầu đùi	X	
2133	885	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille	X	
2134	900	Phẫu thuật xơ cứng gân cơ tứ đầu đùi	X	
2135	902	Phẫu thuật xơ cứng cơ ức đòn chũm	X	
		15. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình ở trẻ em		
2136	904	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay	X	
2137	915	Phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 xương cẳng tay	X	

2138	917	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi	X	
2139	918	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương đùi	X	
2140	919	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp vùng khớp gối	X	
2141	920	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cẳng chân	X	
2142	921	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương chày	X	
		16. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình khác		
2143	944	Phẫu thuật xơ cứng đơn giản	X	
2144	948	Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cổ xương cánh tay	X	
2145	949	PT đặt lại khớp, găm kim cổ định (buộc vòng chỉ thép)	X	
2146	952	Phẫu thuật sửa mỏm cụt chi	X	
2147	953	Phẫu thuật sửa mỏm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)	X	
2148	960	Phẫu thuật vá da diện tích <5cm ²	X	
2149	963	Phẫu thuật nối gân duỗi/ kéo dài gân(1 gân)	X	
2150	964	Phẫu thuật nối gân gấp/ kéo dài gân (1 gân)	X	
2151	965	Phẫu thuật giải ép thần kinh (ống cổ tay, Khuỷu...)	X	
2152	968	Phẫu thuật ghép xương tự thân	X	
2153	973	Phẫu thuật gỡ dính gân gấp	X	
2154	974	Phẫu thuật gỡ dính gân duỗi	X	
2155	976	Phẫu thuật chuyển giường thần kinh trụ	X	
2156	977	Phẫu thuật vá da dày > 1 cm ²	X	
		H. CỘT SỐNG		
		3. Cột sống thắt lưng		
2156	1078	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng	X	
		XI. BÔNG		
		A. ĐIỀU TRỊ BÔNG		
		1. Thay băng bông		
2157	4	Thay băng điều trị vết bông từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn	X	X
2158	5	Thay băng điều trị vết bông dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	X	X
2159	9	Thay băng điều trị vết bông từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở trẻ em	X	X
2160	10	Thay băng điều trị vết bông dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em	X	X
2161	11	Thay băng sau phẫu thuật ghép da điều trị bông sâu	X	X
2162	12	Thay băng và chăm sóc vùng lấy da	X	X
2163	13	Sử dụng thuốc tạo màng điều trị vết thương bông nông	X	X
		2. Phẫu thuật, thủ thuật điều trị bông		
2164	15	Rạch hoại tử bông giải thoát chèn ép	X	X
2165	16	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bông sâu	X	X
2166	27	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bông sâu từ 1% - 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	X	
2167	28	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bông sâu dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em	X	X
		3. Các kỹ thuật khác		
2168	79	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bông nhiệt	X	X
2169	80	Xử lý tại chỗ kì đầu tổn thương bông	X	X
2170	81	Sơ cấp cứu bông do vôi tôi nóng	X	X
2171	82	Sơ cấp cứu bông acid	X	X
2172	83	Sơ cấp cứu bông do dòng điện	X	X
2173	84	Chẩn đoán và điều trị sốc bông	X	X

2174	85	Chẩn đoán và cấp cứu bong đường hô hấp	X	X
2175	86	Chẩn đoán và cấp cứu bong đường tiêu hóa	X	X
2176	87	Mở khí quản cấp cứu qua tổn thương bong	X	X
2177	89	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bong	X	X
2178	90	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi để truyền dịch điều trị bệnh nhân bong	X	X
2179	97	Tắm điều trị bệnh nhân bong	X	X
		B. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH, THẨM MỸ TRONG BONG VÀ SAU BONG		
2180	103	Cắt sẹo khâu kín	X	X
2181	109	Kỹ thuật tạo vạt da có cuống mạch liên điều trị sẹo bong	X	
2182	111	Kỹ thuật tạo vạt da chữ Z điều trị sẹo bong	X	
2183	112	Kỹ thuật tạo vạt da V-Y điều trị sẹo bong	X	
2184	115	Kỹ thuật tạo vạt da tại chỗ điều trị sẹo bong	X	
		D. VẬT LÝ TRỊ LIỆU, PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TRONG BONG		
2185	124	Điều trị sẹo bong bằng siêu âm kết hợp với thuốc	X	
2186	128	Tập vận động phục hồi chức năng sau bong	X	X
2187	129	Sử dụng gel silicol điều trị sẹo bong	X	X
2188	130	Tập vận động cho bệnh nhân đang điều trị bong để dự phòng cứng khớp và co kéo chi thể	X	X
2189	131	Đặt vị thế cho bệnh nhân bong	X	X
		XII. UNG BUỒU		
		A. ĐẦU-CỔ		
2190	3	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm	X	
2191	6	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính dưới 5 cm	X	
2192	10	Cắt các u lành vùng cổ	X	X
2193	12	Cắt các u nang giáp móng	X	X
2194	13	Cắt các u nang mang tai	X	
		C. HÀM - MẶT		
2195	45	Cắt u cơ vùng hàm mặt	X	
2196	46	Cắt u vùng hàm mặt đơn giản	X	
2197	68	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm	X	X
2198	71	Cắt bỏ nang xương hàm dưới 2 cm	X	X
		G. TIÊU HOÁ - BỤNG		
2199	199	Cắt dạ dày do ung thư	X	
2200	203	Mở thông dạ dày ra da do ung thư	X	X
2201	204	Các phẫu thuật điều trị ung thư tá tràng	X	
2202	212	Cắt cụt trực tràng đường bụng, đường tầng sinh môn	X	
2203	213	Cắt trực tràng giữ lại cơ tròn	X	
2204	219	Phẫu thuật lấy bỏ mạc nối lớn, phúc mạc	X	
		K. VÚ - PHỤ KHOA		
2205	269	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú	X	
2206	276	Cắt buồng trứng, hai bên phần phụ trong điều trị ung thư vú	X	
2207	287	Cắt u xơ cổ tử cung	X	
2208	289	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung	X	
2209	295	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung	X	

1/02

2210	299	Phẫu thuật mở bụng cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên bệnh nhân có thai	x	
		L. PHẦN MỀM-XƯƠNG-KHỚP		
2211	323	Phẫu thuật phi đại tuyến vú nam	x	x
		XIII. PHỤ SẢN		
		A. SẢN KHOA		
2212	1	Phẫu thuật lấy thai và cắt tử cung trong rau cải răng lược	x	x
2213	3	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo mổ bụng cũ phức tạp	x	
2214	5	Phẫu thuật lấy thai do bệnh lý sản khoa (rau tiền đạo, rau bong non, tiền sản giật, sản giật...)	x	
2215	6	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng, HIV-AIDS, H5N1, tiêu chảy cấp...)	x	
2216	8	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B- lynch...)	x	x
2217	12	Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa	x	x
2218	14	Phẫu thuật tổn thương đường tiêu hoá do tai biến phẫu thuật sản phụ khoa	x	
2219	17	Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại tử cung sau mổ lấy thai	x	
2220	19	Giảm đau trong đẻ bằng phương pháp gây tê ngoài màng cứng	x	
2221	20	Gây chuyển dạ bằng thuốc	x	
2222	23	Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa	x	x
2223	31	Thủ thuật kẹp, kéo cổ tử cung xử trí băng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo (*)	x	x
2224	52	Khâu vòng cổ tử cung	x	x
2225	53	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung	x	x
		B. PHỤ KHOA		
2226	63	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn	x	
2227	64	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần	x	
2228	73	Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	x	
2229	74	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	x	
2230	75	Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung	x	
2231	77	Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc tử cung	x	
2232	79	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên bệnh nhân có thai	x	
2233	85	Phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung	x	
2234	86	Phẫu thuật mở bụng cắt góc tử cung	x	x
2235	87	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang	x	
2236	88	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung vỡ	x	
2237	103	Phẫu thuật Lefort	x	
2238	104	Phẫu thuật Labhart	x	
2239	115	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng	x	
2240	116	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	x	
2241	117	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần đường bụng	x	

10/3/20

2242	118	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần đường âm đạo	x	
2243	119	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần đường âm đạo kết hợp nội soi	x	
2244	123	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)	x	
2245	131	PT nội soi ổ bụng chẩn đoán các bệnh lý phụ khoa	x	
2246	132	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa	x	
2247	133	Phẫu thuật nội soi khâu lỗ thủng tử cung	x	
2248	140	Khoét chóp cổ tử cung	x	
2249	141	Cắt cụt cổ tử cung	x	
2250	145	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh...	x	x
2251	147	Cắt u thành âm đạo	x	x
2252	154	Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo	x	x
2253	166	Soi cổ tử cung	x	x
2254	174	Cắt u vú lành tính	x	x
2255	175	Bóc nhân xơ vú	x	x
		C. SƠ SINH		
2256	186	Đặt nội khí quản cấp cứu sơ sinh + thở máy	x	x
2257	200	Bóp bóng Ambu, thổi ngạt sơ sinh	x	x
2258	202	Cố định tạm thời gãy xương sơ sinh	x	x
		E. PHÁ THAI		
2259	231	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 8 tuần	x	
2260	232	Phá thai bằng thuốc tuổi thai từ 13 tuần đến hết tuần 22	x	
		XIV. MẮT		
2261	63	Phẫu thuật mở rộng điểm lệ	x	
2262	70	Tách dính mi cầu, ghép kết mạc rời hoặc màng ối	x	
2263	72	Lấy dị vật trong cùng mạc	x	
2264	80	Sinh thiết tổ chức mi	x	
2265	82	Sinh thiết tổ chức kết mạc	x	x
2266	92	Tiêm cortison điều trị u máu	x	
2267	106	Đóng lỗ dò đường lệ	x	x
2268	115	Sửa sẹo sau mổ lác	x	
2269	118	Phẫu thuật rút ngắn cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	x	
2270	121	Phẫu thuật hạ mi trên (chỉnh chỉ, lùi cơ nâng mi ...)	x	
2271	123	Lùi cơ nâng mi	x	
2272	124	Vá da tạo hình mi	x	
2273	127	Phẫu thuật lấy mỡ dưới da mi (trên, dưới, 2 mi)	x	
2274	128	Kéo dài cân cơ nâng mi	x	
2275	133	Sửa sẹo xấu vùng quanh mi	x	
2276	136	Phẫu thuật mở rộng khe mi	x	
2277	137	Phẫu thuật hẹp khe mi	x	
2278	138	Lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi	x	
2279	149	Mở góc tiền phòng	x	
2280	158	Tiêm nội nhãn (Kháng sinh, antiVEGF, corticoid...)	x	

2281	159	Tiêm nhu mô giác mạc	X	
2282	166	Lấy dị vật giác mạc sâu	X	X
2283	167	Cắt bỏ chấp có bọc	X	X
2284	168	Khâu cò mi, tháo cò	X	X
2285	169	Chích dẫn lưu túi lệ	X	X
2286	175	Khâu phủ kết mạc	X	X
2287	187	Phẫu thuật quặm	X	X
2288	188	Phẫu thuật quặm tái phát	X	
2289	213	Bóc sợi giác mạc (viêm giác mạc sợi)	X	X
2290	214	Bóc giả mạc	X	X
2291	216	Rạch áp xe túi lệ	X	X
2292	219	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	X	X
		Thăm dò chức năng và xét nghiệm		
2293	250	Test thử cảm giác giác mạc	X	X
2294	251	Test phát hiện khô mắt	X	X
2295	257	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	X	X
2296	262	Đo độ lác	X	X
2297	264	Đo biên độ điều tiết	X	X
2298	266	Đo độ sâu tiền phòng	X	X
2299	267	Đo đường kính giác mạc	X	X
		XV. TAI - MŨI - HỌNG		
		A. TAI - TAI THẦN KINH		
2300	27	Mở sào bào	X	
2301	28	Mở sào bào - thượng nhĩ	X	
2302	29	Mở sào bào thượng nhĩ - vá nhĩ	X	
2303	35	Phẫu thuật vá nhĩ bằng nội soi	X	X
2304	45	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai/u bã đậu da tai	X	X
2305	46	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ	X	X
2306	47	Cắt bỏ vành tai thừa	X	X
2307	48	Đặt ống thông khí màng nhĩ	X	X
2308	49	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ	X	X
2309	51	Khâu vết rách vành tai	X	X
2310	52	Bơm hơi vôi nhĩ	X	X
2311	53	Phẫu thuật nạo vết sụn vành tai	X	X
2312	55	Nội soi lấy dị vật tai gây mê	X	X
		B. MŨI-XOANG		
2313	80	Cắt Polyp mũi	X	X
2314	81	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi	X	X
2315	83	Phẫu thuật nội soi mở khe giữa	X	X
2316	86	Phẫu thuật cắt u nang răng sinh/u nang sàn mũi	X	X
2317	91	Phẫu thuật nội soi cắt u mũi xoang	X	
2318	97	Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi	X	
2319	98	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật nội soi mũi xoang	X	X
2320	99	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi	X	X
2321	102	Phẫu thuật nội soi cắt vách mũi xoang	X	
2322	113	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi	X	
2323	123	Phẫu thuật chỉnh hình sống mũi sau chấn thương	X	

2324	125	Phẫu thuật xoang hàm Caldwell-Luc	X	X
2325	127	Phẫu thuật mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới	X	X
2326	128	Phẫu thuật nội soi mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới	X	X
2327	131	Nội soi đốt điện cuốn mũi dưới	X	X
2328	134	Nâng xương chính mũi sau chấn thương	X	X
2329	135	Sinh thiết hốc mũi	X	X
2330	136	Nội soi sinh thiết u hốc mũi	X	X
2331	137	Nội soi sinh thiết u vòm	X	X
2332	138	Chọc rửa xoang hàm	X	X
2333	139	Phương pháp Proetz	X	X
2334	142	Cầm máu mũi bằng Merocel	X	X
2335	143	Lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	X	X
2336	144	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	X	X
2337	145	Cầm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (Bạc Nitrat)	X	X
2338	146	Rút meche, rút merocel hốc mũi	X	X
2339	147	Hút rửa mũi, xoang sau mổ	X	X
		C. HỌNG-THANH QUẢN		
2340	149	Phẫu thuật cắt Amidan gây mê	X	X
2341	151	Phẫu thuật cắt u Amydal	X	
2342	152	Phẫu thuật xử trí chảy máu sau cắt Amygdale (gây mê)	X	X
2343	154	Phẫu thuật nạo VA gây mê nội khí quản	X	X
2344	155	Phẫu thuật nạo V.A nội soi	X	
2345	156	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng Coblator (gây mê)	X	X
2346	157	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng Microdebrider (Hummer) (gây mê)	X	X
2347	158	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau nạo VA (gây mê)	X	
2348	169	Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản bằng Microdebrider (Hummer)	X	X
2349	174	Phẫu thuật mở khí quản (Gây tê/ gây mê)	X	X
2350	207	Chích áp xe quanh Amidan	X	X
2351	208	Cầm máu đơn giản sau phẫu thuật cắt Amygdale, Nạo VA	X	X
2352	209	Cắt phanh lưỡi	X	X
2353	210	Sinh thiết u hạ họng	X	X
2354	211	Sinh thiết u họng miệng	X	X
2355	212	Lấy dị vật họng miệng	X	X
2356	213	Lấy dị vật hạ họng	X	X
2357	214	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng	X	X
2358	215	Đốt họng hạt bằng nhiệt	X	X
2359	218	Bơm thuốc thanh quản	X	X
2360	223	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	X	X
2361	226	Nội soi hạ họng ống cứng chẩn đoán gây tê	X	X
2362	227	Nội soi hạ họng ống mềm chẩn đoán gây tê	X	X
2363	228	Nội soi hạ họng ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	X	X
2364	229	Nội soi hạ họng ống mềm lấy dị vật gây tê	X	X
2365	235	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây tê/gây mê	X	X
2366	238	Nội soi thanh quản ống cứng chẩn đoán gây tê	X	X
2367	239	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán gây tê	X	X
2368	241	Nội soi thanh quản ống mềm lấy dị vật gây tê	X	X

*2369	243	Nội soi thanh quản ống mềm sinh thiết u gây tê	x	x
		XVI. RĂNG - HÀM - MẶT		
		A. RĂNG		
2370	33	Phẫu thuật cắt lợi điều trị túi quanh răng	x	
2371	34	Phẫu thuật vạt điều trị túi quanh răng	x	
2372	35	Phẫu thuật nạo túi lợi	x	
2373	37	Liên kết cổ định răng lung lay bằng nẹp kim loại	x	
2374	38	Liên kết cổ định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite	x	
2375	39	Điều trị áp xe quanh răng cấp	x	
2376	40	Điều trị áp xe quanh răng mạn	x	
2377	50	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	x	
2378	52	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay	x	
2379	54	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy	x	
2380	57	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi	x	x
2381	60	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhỏ)	x	
2382	61	Điều trị tủy lại	x	
2383	68	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	x	x
2384	69	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam	x	x
2385	70	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement	x	x
2386	71	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement	x	x
2387	72	Phục hồi cổ răng bằng Composite	x	x
2388	137	Tháo cầu răng giả	x	x
2389	138	Tháo chụp răng giả	x	x
2390	139	Sửa hàm giả gãy	x	x
2391	197	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	x	
2392	199	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	x	
2393	200	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới	x	
2394	207	Phẫu thuật nhổ răng có tạo hình xương ổ răng	x	
2395	210	Phẫu thuật nạo quanh cuống răng	x	
2396	211	Phẫu thuật cắt cuống răng	x	
2397	222	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp	x	x
2398	223	Trám bít hố rãnh với Composite hoá trùng hợp	x	x
2399	224	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	x	x
2400	225	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	x	x
2401	226	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement	x	x
2402	227	Hàn răng không sang chấn với GlassIonomer Cement	x	x
2403	228	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt	x	x
2404	229	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor	x	x
2405	233	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit	x	x
2406	234	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA	x	x
		B. HÀM MẶT		
2407	299	Dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt	x	x
2408	300	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	x	x
2409	335	Nắn sai khớp thái dương hàm	x	x

2410	336	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê	X	
2411	337	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê	X	X
		XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG		
		A.VẬT LÝ TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)		
2412	1	Điều trị bằng sóng ngắn	X	X
2413	3	Điều trị bằng vi sóng	X	
2414	5	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	X	X
2415	6	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc	X	X
2416	7	Điều trị bằng các dòng điện xung	X	X
2417	26	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	X	X
		B.VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)		
2418	31	Tập nằm đúng tư thế cho người bệnh liệt nửa người	X	X
2419	32	Kỹ thuật đặt tư thế đúng cho người bệnh liệt tủy	X	X
2420	33	KT tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	X	X
2421	34	KT tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	X	X
2422	36	Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi	X	X
2423	37	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động	X	X
2424	38	Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng	X	X
2425	39	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động	X	X
2426	40	Tập dáng đi	X	X
2427	44	Tập đi với gậy	X	X
2428	47	Tập lên, xuống cầu thang	X	X
2429	55	Tập vận động tự do tứ chi	X	X
2430	57	Tập kéo dẫn	X	X
2431	58	Tập vận động trên bóng	X	X
2432	65	Tập với ròng rọc	X	X
2433	78	Kỹ thuật kéo nắn trị liệu	X	
2434	79	Kỹ thuật di động khớp	X	
2435	80	Kỹ thuật di động mô mềm	X	
2436	85	Kỹ thuật xoa bóp vùng	X	X
2437	91	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, Pelvis floor)	X	X
		C.HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU (Nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)		
2438	93	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt hai chân ra vào xe lăn	X	X
2439	94	KT hướng dẫn người liệt nửa người ra vào xe lăn	X	X
2440	95	Tập các vận động thô của bàn tay	X	X
2441	96	Tập các vận động khéo léo của bàn tay	X	X
2442	97	Tập phối hợp hai tay	X	X
2443	98	Tập phối hợp tay mắt	X	X
2444	99	Tập phối hợp tay miệng	X	X
		D. NGÔN NGỮ TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh tập)		
2445	104	Tập nuốt	X	X
2446	105	Tập nói	X	X
2447	106	Tập nhai	X	X

2448	107	Tập phát âm	X	X
2449	108	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh...)	X	X
2450	109	Tập cho người thất ngôn	X	X
		E. DỤNG CỤ CHÍNH HÌNH VÀ TRỢ GIÚP (Nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh sử dụng và bảo quản)		
2451	149	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO	X	X
2452	150	Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối có khớp háng HKAFO	X	X
2453	151	Kỹ thuật sử dụng nẹp gối cổ bàn chân KAFO	X	X
2454	152	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn chân AFO	X	X
2455	153	Kỹ thuật sử dụng nẹp bàn chân FO	X	X
2456	156	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng mềm	X	X
		XVIII. ĐIỆN QUANG		
	B	A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN		
		4. Siêu âm sản phụ khoa		
2457	30	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	X	X
2458	31	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	X	X
2459	34	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	X	X
2460	35	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	X	X
2461	36	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	X	X
		B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)		
		1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy		
2462	67	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng	X	X
2463	68	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng	X	X
2464	69	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao	X	X
2465	70	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến	X	X
2466	71	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng	X	X
2467	72	Chụp Xquang Blondeau	X	X
2468	74	Chụp Xquang hàm chéch một bên	X	X
2469	75	Chụp X Q xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	X	X
2470	76	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng	X	X
2471	80	Chụp Xquang khớp thái dương hàm	X	X
2472	81	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical)	X	X
2473	82	Chụp Xquang răng cánh cắn (Bite wing)	X	X
2474	83	Chụp Xquang răng toàn cảnh	X	
2475	84	Chụp Xquang phim cắn (Occlusal)	X	X
2476	85	Chụp Xquang mỏm trâm	X	X
2477	86	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng	X	X
2478	87	Chụp Xquang cột sống cổ chéch hai bên	X	X
2479	88	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	X	X
2480	89	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2	X	X
2481	90	Chụp X Q cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch	X	X
2482	91	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	X	X
2483	92	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéch hai bên	X	X
2484	93	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	X	X
2485	94	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập uốn	X	X
2486	95	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze	X	X



2487	96	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	X	X
2488	97	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéo hai bên	X	X
2489	98	Chụp Xquang khung chậu thẳng	X	X
2490	99	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéo	X	X
2491	100	Chụp Xquang khớp vai thẳng	X	X
2492	101	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chéo	X	X
2493	102	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng	X	X
2494	103	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng	X	X
2495	104	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo	X	X
2496	105	Chụp Xquang khớp khuỷu gấp (Jones hoặc Coyle)	X	X
2497	107	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	X	X
2498	108	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	X	X
2499	109	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên	X	X
2500	110	Chụp Xquang khớp háng nghiêng	X	X
2501	111	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng	X	X
2502	112	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo	X	X
2503	113	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	X	X
2504	114	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng	X	X
2505	115	Chụp X Q xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	X	X
2506	116	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	X	X
2507	117	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	X	X
2508	118	Chụp Xquang toàn bộ chi dưới thẳng	X	
2509	119	Chụp Xquang ngực thẳng	X	X
2510	120	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chéo mỗi bên	X	X
2511	121	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng	X	X
2512	122	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chéo	X	X
2513	123	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn	X	X
2514	124	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng	X	X
2515	125	Chụp X Q bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	X	X
		XX. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP		
		Đ. TIÊU HOÁ- Ổ BỤNG		
2516	58	Nội soi tiêu hoá với gây mê (dạ dày - đại tràng)	X	
2517	73	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết	X	
2518	75	Nội soi hậu môn có sinh thiết, tiêm xơ	X	
2519	79	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng kết hợp sinh thiết	X	
		E. TIẾT NIỆU		
2520	91	Nội soi sinh thiết niệu đạo	X	
2521	93	Nội soi niệu quản chẩn đoán	X	
2522	94	Nội soi niệu quản sinh thiết	X	
2523	95	Nội soi bàng quang sinh thiết	X	
		XXI. THĂM DÒ CHÚC NĂNG		
		A. TIM, MẠCH		
2524	8	Nghiệm pháp gắng sức điện tâm đồ	X	
2525	13	Nghiệm pháp dây thắt	X	X
		B. HỒ HẤP		
2526	22	Test dung tích sống gắng sức (FVC)	X	X
2527	23	Test dung tích sống thở chậm (SVC)	X	X

2528	24	Thông khí tự ý tối đa (MVV)	x	x
		G. CƠ XƯƠNG KHỚP		
2529	104	Test prostiGây mêin chẩn đoán nhược cơ	x	x
		XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU		
	B	A. XÉT NGHIỆM ĐỒNG MÁU		
2530	1	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động	x	x
2531	2	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy bán tự động	x	x
2532	3	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) phương pháp thủ công	x	x
2533	4	Xét nghiệm nhanh INR (Có thể kèm theo cả chỉ số PT%, PTs) bằng máy cầm tay	x	x
2534	5	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (Tên khác: TCK) bằng máy tự động	x	x
2535	6	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (Tên khác: TCK) bằng máy bán tự động.	x	x
2536	7	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (tên khác: TCK) phương pháp thủ công	x	x
2537	8	Thời gian thrombin(TT:Thrombin Time) bằng máy tự động	x	x
2538	9	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy bán tự động	x	x
2539	10	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) phương pháp thủ công	x	x
2540	11	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy tự động	x	x
2541	12	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy bán tự động	x	x
2542	13	Định lượng Fibrinogen (Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss-phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động	x	x
2543	14	Định lượng Fibrinogen (Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss-phương pháp trực tiếp, bằng máy bán tự động	x	x
2544	15	Nghiệm pháp rượu (Ethanol test)	x	x
		C. TẾ BÀO HỌC		
2545	118	Dàn tiêu bản máu ngoại vi (Phết máu ngoại vi)	x	x
2546	119	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)	x	x
2547	120	Tổng phân tích TB máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	x	x
2548	121	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	x	x
2549	123	Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)	x	x
2550	124	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trở)	x	x
2551	134	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng phương pháp thủ công)	x	x
2552	138	Tìm KST sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	x	x
2553	142	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	x	x
2554	151	Cận Addis	x	x
2555	152	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng phương pháp thủ công	x	x

2556	154	Xét nghiệm các loại dịch, nhuộm và chẩn đoán tế bào học	x	x
2557	160	Thẻ tích khối hồng cầu (hematocrit) bằng máy ly tâm	x	x
2558	163	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công)	x	x
2559	165	Làm thủ thuật chọc hút hạch làm hạch đồ	x	
2560	166	Xét nghiệm tế bào hạch (hạch đồ)	x	
2561	167	Làm thủ thuật sinh thiết hạch	x	
		D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU		
2562	267	Hiệu giá kháng thể tự nhiên chống A, B (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x
2563	268	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22 ⁰ C (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x
2564	271	Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 37 ⁰ C (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x
2565	279	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x
2566	280	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiên đá)	x	x
2567	291	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x
2568	292	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiên đá)	x	x
		G. TRUYỀN MÁU		
2569	502	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu	x	x
		XXIII. HÓA SINH		
		A. MÁU		
2570	9	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase)	x	x
2571	31	Định lượng canci ion hóa bằng điện cực chọn lọc	x	
2572	77	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	x	x
		B. NƯỚC TIỂU		
2573	196	Định tính Heroin (test nhanh)	x	x
		XXIV. VI SINH		
		A. VI KHUẨN		
		3. Vibrio cholerae		
2574	42.	<i>Vibrio cholerae</i> soi tươi	x	x
		5. Neisseria meningitidis		
2575	56.	<i>Neisseria meningitidis</i> nhuộm soi	x	x
		B. VIRUS		
		1. Virus chung		
2576	108.	Virus test nhanh	x	x
		2. Hepatitis virus		
2577	117.	HBsAg test nhanh	x	x
2578	130.	HBeAg test nhanh	x	x
		3. HIV		
2579	169.	HIV Ab test nhanh	x	x
2580	170.	HIV Ag/Ab test nhanh	x	x
		4. Dengue virus		
2581	183.	Dengue virus NS1Ag test nhanh	x	x
		7. Các virus khác		
2582	249.	Rotavirus test nhanh	x	x
		C. KÝ SINH TRÙNG		
		1. Ký sinh trùng trong phân		
2583	263.	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	x	x

11/12

2584	264.	Hồng cầu trong phân test nhanh	X	X
2585	265.	Đơn bào đường ruột soi tươi	X	X
2586	267.	Trứng giun, sán soi tươi	X	X
2587	268.	Trứng giun soi tập trung	X	X
		2. Ký sinh trùng trong máu		
2588	289.	<i>Plasmodium</i> (KST sốt rét) nhuộm soi định tính	X	X
		3. Ký sinh trùng ngoài da		
2589	305.	<i>Demodex</i> soi tươi	X	X
		D. VI NẤM		
2590	319.	Vì nấm soi tươi	X	X
2591	320.	Vì nấm test nhanh	X	X
		Đ. ĐÁNH GIÁ NHIỄM KHUẨN BỆNH VIỆN		
2592	329.	Vì sinh vật cây kiểm tra không khí	X	X
2593	330.	Vì sinh vật cây kiểm tra bàn tay	X	X
2594	331.	Vì sinh vật cây kiểm tra dụng cụ đã tiệt trùng	X	X
2595	332.	Vì sinh vật cây kiểm tra bề mặt	X	X
		XXV. GIẢI PHẪU BỆNH VÀ TẾ BÀO HỌC		
2596	14	Chọc hút kim nhỏ tuyến nước bọt	X	X
2597	15	Chọc hút kim nhỏ các hạch	X	X
2598	10	Chọc hút kim nhỏ mô mềm	X	
2599	27	Tế bào học dịch rửa ổ bụng	X	
		XXVII. PHẪU THUẬT NỘI SOI		
		D. BỤNG - TIÊU HOÁ		
		3. Tá tràng		
2600	166	Phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng	X	
		4. Ruột non		
2601	172	Phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non	X	
2602	178	Phẫu thuật nội soi cắt dây dính hay dây chằng	X	
2603	181	Phẫu thuật nội soi mở ruột lấy dị vật	X	
2604	184	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel	X	
		5. Ruột thừa		
2605	187	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	X	X
2606	188	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng	X	X
2607	190	PT nội soi điều trị áp xe ruột thừa trong ổ bụng	X	X
2608	191	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa	X	X
		8. Gan		
2609	261	Phẫu thuật nội soi cắt nang gan	X	
		9. Đường mật		
2610	265	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi	X	
2611	266	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt túi mật	X	
2612	267	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi ống mật chủ có dẫn lưu Kehr	X	
		16. Các phẫu thuật nội soi khác		
2613	332	Phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu	X	
2614	335	Phẫu thuật nội soi sinh thiết u trong ổ bụng	X	
2615	336	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ trong mổ mở	X	
2616	337	PT nội soi hỗ trợ trong can thiệp nội soi ống mềm	X	

126

		Đ. TIẾT NIỆU-SINH DỤC		
		2. Niệu quản		
2617	366	Phẫu thuật nội soi tạo hình niệu quản	X	
2618	367	Nội soi mở rộng niệu quản, nông rộng niệu quản	X	
2619	371	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản	X	
2620	372	Nội soi xẻ lỗ niệu quản lấy sỏi	X	
2621	379	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì tán sỏi niệu quản	X	
2622	380	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gấp sỏi niệu quản	X	
		3. Bàng quang		
2623	384	Nội soi cắt polyp cổ bàng quang	X	
2624	385	Nội soi bàng quang cắt u	X	
2625	386	Cắt u bàng quang tái phát qua nội soi	X	
2626	390	Nội soi gấp sỏi bàng quang	X	
2627	391	Nội soi bàng quang tán sỏi	X	
		4. Tuyến tiền liệt		
2628	396	Cắt u phì đại lành tính tuyến tiền liệt qua nội soi	X	
		6. Phẫu thuật vùng hố chậu		
2629	412	Phẫu thuật nội soi xử lý viêm phúc mạc tiểu khung	X	
2630	414	Phẫu thuật nội soi cắt khối chứa ngoài tử cung	X	
2631	417	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán trong phụ khoa	X	
2632	419	Phẫu thuật nội soi viêm phần phụ	X	
		XXVIII. TẠO HÌNH - THẨM MỸ		
		A. TẠO HÌNH VÙNG ĐẦU - MẶT - CỔ		
		2. Vùng mi mắt		
2633	34	Khâu da mi	X	X
2634	35	Khâu phục hồi bờ mi	X	
2635	38	Phẫu thuật tạo vạt da tại chỗ cho vết thương khuyết da mi	X	
2636	40	Phẫu thuật tái tạo cho vết thương góc mắt	X	
2637	48	Phẫu thuật điều trị hờ mi	X	
2638	52	Phẫu thuật mở rộng khe mi	X	
2639	53	Phẫu thuật hẹp khe mi	X	
2640	55	Phẫu thuật điều trị trĩ mi dưới	X	
2641	62	Phẫu thuật giải phóng sẹo bóng mi mắt	X	X
2642	63	Phẫu thuật cắt bỏ khối u da lành tính mi mắt	X	X
2643	66	Phẫu thuật ghép da tự thân vùng mi mắt	X	X
		3. Vùng mũi		
2644	83	Khâu và cắt lọc vết thương vùng mũi	X	X
2645	98	Phẫu thuật sửa cánh mũi trong sẹo jkhe hờ môi đơn	X	
2646	107	Phẫu thuật tạo lỗ mũi	X	X
2647	108	Phẫu thuật giải phóng sẹo chít hẹp lỗ mũi	X	X
		4. Vùng môi		
2648	110	Khâu vết thương vùng môi	X	X
		5. Vùng tai		
2649	138	Phẫu thuật ghép mảnh nhỏ vành tai đứt rời	X	X
2650	140	Phẫu thuật bảo tồn sụn vành tai đứt rời	X	X
2651	148	Phẫu thuật tạo hình thu nhỏ vành tai	X	X
2652	151	Phẫu thuật tạo hình cắt bỏ vành tai thừa	X	X

D. TẠO HÌNH VÙNG CHI TRÊN VÀ BÀN TAY				
2653	328	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng ghép da tự thân	x	
2654	329	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da tại chỗ	x	
2655	334	Phẫu thuật vết thương khớp bàn ngón	x	x
2656	335	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương với Kirschner hoặc nẹp vít	x	
2657	336	Cắt đáy ổ loét vết thương mãn tính	x	x
2658	337	Nội gân gấp	x	x
2659	338	Phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vi phẫu thuật	x	x
2660	340	Nội gân duỗi	x	x
2661	341	Gỡ dính gân	x	x
2662	342	Khâu nối thần kinh khinh không sử dụng vi phẫu thuật	x	x
2663	352	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật	x	
2664	355	Phẫu thuật tách dính 2 ngón tay	x	
2665	356	Phẫu thuật tách dính 3 ngón tay	x	
2666	357	Phẫu thuật tách dính 4 ngón tay	x	
2667	358	Phẫu thuật cắt ngón tay thừa	x	
2668	359	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay cái thừa	x	
2669	360	Phẫu thuật tạo hình ngón tay cái xẻ đôi		
Đ. TẠO HÌNH CHO VÙNG CHI DƯỚI				
2670	403	Cắt các khối u da lành tính dưới 5cm	x	
2671	406	Cắt loét tì đè vùng gót bàn chân	x	
2672	407	Phẫu thuật cắt ngón chân thừa	x	

Tổng số: 2.672 Kỹ thuật thuộc 26 Chuyên khoa (Hai ngàn sáu trăm bảy mươi hai kỹ thuật)

1152